

CHƯƠNG 1

1. Triết học ra đời vào thời gian nào?

- A. Thế kỷ thứ VIII - VI Trước Công nguyên
- B. Thế kỷ thứ III- Sau Công nguyên
- C. Vào những năm 40 của thế kỷ XIX
- D. Thế kỷ thứ VIII- VI sau Công nguyên

ANSWER: A

2. Triết học ra đời sớm nhất ở đâu?

- A. Trung Quốc, Ấn Độ, Nga
- B. Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp - La Mã
- C. Hy Lạp - La Mã, Ấn Độ, Nga
- D. Trung Quốc, Hy Lạp, Ai Cập

ANSWER: B

3. Chọn đáp án đúng nhất, triết học là gì?

- A. Là tri thức về giới tự nhiên
- B. Là tri thức về xã hội
- C. Là tri thức về tư duy con người
- D. Là hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới và vị trí của con người trong thế giới ấy.

ANSWER: D

4. Chọn đáp án đúng nhất, triết học ra đời trong điều kiện nào?

- A. Chưa có sự phân chia giai cấp
- B. Nhận thức của con người mới đạt ở trình độ cảm tính
- C. Chưa có sự phân công lao động
- D. Khi tư duy của con người đạt trình độ trừu tượng, khái quát hóa cao và xuất hiện tầng lớp lao động trí óc có khả năng hệ thống tri thức của con người.

ANSWER: D

5. “Triết học tự nhiên” là thuật ngữ dùng để chỉ đặc trưng của triết học ở thời kỳ nào?

- A. Thời kỳ Cổ đại
- B. Thời kỳ Trung cổ
- C. Thời kỳ Phục hưng
- D. Triết học Mác – Lênin vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

ANSWER: A

6. “Triết học Kinh viện” là thuật ngữ dùng để chỉ đặc điểm của triết học ở thời kỳ nào?

- A. Thời kỳ Cổ đại
- B. Thời kỳ Trung cổ
- C. Thời kỳ Phục hưng
- D. Triết học Mác – Lênin vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

ANSWER: B

7. “Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại” là câu nói của nhà triết học nào?

A. C.Mác
B. Ph.Ăngghen
C. V.I.Lênin
D. Hêghel

ANSWER: B

8. Bắt đầu đến thời kỳ nào triết học không còn được coi là “Khoa học của mọi khoa học”?

A. Thời Cổ đại
B. Thời Phục hưng
C. Thời Trung cổ
D. Thời kỳ sơ khai

ANSWER: B

9. Phủ nhận sự tồn tại khách quan của hiện thực và coi cảm giác là tồn tại duy nhất thuộc nội dung của trường phái triết học nào?

A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: A

10. Thừa nhận tính thứ nhất của ý thức và coi đó là thứ tinh thần khách quan có trước, tồn tại độc lập với con người là nội dung của:m,

A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: B

11. Trường phái triết học nào mang nặng tính trực quan, ngây thơ, chất phác:

A. Chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại
B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII, XVIII
C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
D. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

ANSWER: A

12. Đồng nhất vật chất với một hay một số chất cụ thể của vật chất là đặc điểm của:

A. Chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại
B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII, XVIII
C. Chủ nghĩa duy vật của triết học Cổ điển Đức

D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: A

13. Xem vật chất và ý thức là hai bản nguyên, quyết định sự vận động của thế giới là quan điểm của:

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

B. Chủ nghĩa duy tâm

C. Thuyết nhị nguyên

D.

E. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: C

14. Mặt thứ hai trong “Vấn đề cơ bản của triết học” là?

A. Con người có khả năng nhận thức được thế giới không?

B. Nguồn gốc của thế giới là vật chất hay ý thức?

C. Vai trò của vật chất đối với ý thức như thế nào?

D. Vai trò của ý thức đối với vật chất như thế nào?

ANSWER: A

15. Thừa nhận con người có khả năng nhận thức được thế giới là nội dung của:

A. Bất khả tri luận

B. Khả tri luận

C. Thuyết không thể biết

D. Bất khả tri, hoài nghi luận, khả tri luận

ANSWER: B

16. Con người không có khả năng nhận thức được thế giới là nội dung của :

A. Khả tri luận

B. Hoài nghi luận

C. Bất khả tri luận

D. Khả tri và hoài nghi luận

ANSWER: C

17. Nâng hoài nghi lên thành nguyên tắc trong việc xem xét tri thức đã đạt được và cho rằng con người không thể đạt đến chân lý khách quan là nội dung của:

A. Khả tri luận

B. Hoài nghi luận

C. Bất khả tri luận

D. Thuyết không thể biết

ANSWER: B

18. Phương pháp siêu hình là:

A. Nhận thức đối tượng ở trạng thái vận động

B. Nhận thức đối tượng ở trạng thái phát triển

- C. Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến
- D. Nhận thức đối tượng ở trạng thái cô lập, tĩnh tại

ANSWER: D

19. Phương pháp tư duy nào chi phối nhận thức của con người ở thế kỷ XVII – XVIII?

- A. Phương pháp biện chứng duy tâm
- B. Phương pháp biện chứng duy vật
- C. Phương pháp siêu hình máy móc
- D. Phương pháp biện chứng duy vật; Phương pháp siêu hình máy móc

ANSWER: C

20. Phương pháp siêu hình là:

- A. Chỉ nhìn thấy cây mà không nhìn thấy rừng
- B. Không những nhìn thấy cây mà còn nhìn thấy cả rừng
- C. Nhận thức đối tượng ở trạng thái vận động
- D. Khẳng định nguyên nhân của sự biến đổi là nằm ở bên trong sự vật

ANSWER: A

21. Phương pháp biện chứng là:

- A. Nhận thức đối tượng ở trạng thái cô lập
- B. Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến, ràng buộc, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau
- C. Tách rời đối tượng ra khỏi các mối quan hệ
- D. Nhận thức đối tượng ở trạng thái tĩnh

ANSWER: B

22. Phương pháp biện chứng có đặc điểm gì?

- A. Chỉ nhìn thấy cây mà không nhìn thấy rừng
- B. Không những nhìn thấy cây mà còn nhìn thấy cả rừng
- C. Nguyên nhân của sự biến đổi nằm bên ngoài sự vật, hiện tượng
- D. Nhận thức đối tượng ở trạng thái tách rời

ANSWER: B

23. Lịch sử phép biện chứng tuần tự trải qua những hình thức nào?

- A. Phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy tâm, phép biện chứng duy vật
- B. Phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy vật, phép biện chứng duy tâm
- C. Phép biện chứng duy tâm, phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy vật
- D. Phép biện chứng duy vật, phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy tâm

ANSWER: A

24. Nguồn gốc lý luận của triết học Mác – Lênin?

- A. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- B. Kinh tế chính trị cổ điển Anh, triết học cổ điển Đức, chủ nghĩa xã hội không tưởng của Pháp

- C. Kinh tế chính trị cổ điển Anh, triết học cổ điển Đức, học thuyết tiến hóa
- D. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết tiến hóa, kinh tế chính trị cổ điển Anh

ANSWER: B

25. Tiền đề khoa học tự nhiên của triết học Mác – Lênin?

- A. Học thuyết tế bào, thuyết tiến hóa, định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- B. Học thuyết tế bào, thuyết nguyên tử
- C. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết nguyên tử
- D. Thuyết tiến hóa, thuyết nguyên tử

ANSWER: A

26. Chỉ ra chức năng của triết học Mác-Lênin?

- A. Cung cấp thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng
- B. Cung cấp thế giới quan duy tâm và phương pháp luận biện chứng
- C. Cung cấp thế giới quan duy vật và phương pháp luận siêu hình
- D. Cung cấp thế giới quan duy tâm và phương pháp luận siêu hình

ANSWER: A

27. Trường phái triết học nào phủ nhận sự tồn tại của thế giới vật chất?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- C. Chủ nghĩa duy tâm
- D. chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại

ANSWER: C

28. Tìm câu trả lời đúng nhất, mặt tích cực nhất của quan niệm về vật chất thời cổ đại?

- A. Đồng nhất vật chất với vật thể
- B. Làm nền tảng cho quan niệm duy tâm phát triển
- C. Kìm hãm sự phát triển tư tưởng khoa học về thế giới.
- D. Chống quan niệm duy tâm tôn giáo và thúc đẩy sự phát triển tư tưởng khoa học về thế giới.

ANSWER: D

29. Trường phái triết học nào đồng nhất vật chất với khối lượng?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- D. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

ANSWER: B

30. Triết học Mác - Lênin do ai sáng lập và phát triển?

- A. V.I. Lênin sáng lập, C.Mác phát triển
- B. C.Mác sáng lập và V.I. Lênin phát triển

- C. V.I. Lênin sáng lập và Ph.Ăngghen phát triển
- D. C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập, V.I.Lênin phát triển

ANSWER: D

31. Triết học Mác ra đời vào khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 20 của thế kỷ XX
- B. Những năm 20 của thế kỷ XIX
- C. Những năm 40 của thế kỷ XIX
- D. Những năm 40 của thế kỷ XX

ANSWER: C

32. Triết học Mác- Lênin ra đời trong điều kiện kinh tế - xã hội nào?

- A. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành phương thức sản xuất thống trị
- B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mới xuất hiện
- C. Chủ nghĩa tư bản trở thành chủ nghĩa đế quốc
- D. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa suy tàn

ANSWER: A

33. Câu nói: “Các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất; họ là sản phẩm của thời đại của mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tể nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học” của ai?

- A. C.Mác
- B. Ph.Ăngghen
- C. V.I.Lênin
- D. Ph.Hêghen

ANSWER: A

34. Quan hệ giữa quy luật của triết học và quy luật của khoa học cụ thể là mối quan hệ giữa:

- A. Cái chung và cái riêng
- B. Nguyên nhân và kết quả
- C. Hiện tượng và bản chất
- D. Tất nhiên và ngẫu nhiên

ANSWER: A

35. Triết học Mác - Lênin là sự thống nhất hữu cơ của:

- A. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận siêu hình
- B. Thế giới quan duy tâm và phương pháp luận biện chứng
- C. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng
- D. Thế giới quan duy tâm và phương pháp luận biện chứng

ANSWER: C

36. Tìm đáp án đúng nhất về chức năng của triết học Mác- Lênin:

- A. Cung cấp thế giới quan và phương pháp luận
- B. Cung cấp tri thức về tự nhiên cho con người

- C. Cung cấp phương pháp tư duy cho con người
- D. Cung cấp tri thức về xã hội cho con người

ANSWER: A

37. Điền vào chỗ trống, C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “..., trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”.

- A. Giai cấp nông dân
- B. Giai cấp địa chủ
- C. Giai cấp công nhân
- D. Giai cấp tư sản

ANSWER: D

38. Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin, giai đoạn (1841-1844) là:

- A. Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước quá độ từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản
- B. Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học
- C. Thời kỳ bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học
- D. Thời kỳ đề xuất và bổ sung, phát triển toàn diện lý luận triết học

ANSWER: A

39. Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin, giai đoạn (1844-1847) là:

- A. Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học
- B. Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử
- C. Thời kỳ bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học
- D. Thời kỳ hình thành tư tưởng với bước quá độ từ chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm

ANSWER: B

40. Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác- Lênin, giai đoạn (1848- 1895) là:

- A. Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học
- B. Thời kỳ chuyển từ chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm
- C. Thời kỳ bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học
- D. Thời kỳ chuyển từ chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm và phát triển toàn diện lý luận triết học

ANSWER: C

41. Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin, thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước quá độ từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản là:

- A. Giai đoạn (1841 - 1844)
- B. Giai đoạn (1844 - 1847)
- C. Giai đoạn (1848 -1895)

D. Giai đoạn (1841 - 1847)

ANSWER: A

42. Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin, thời kỳ bổ sung, phát triển toàn diện lý luận triết học Mác – Lênin là:

A. Giai đoạn (1841 - 1844)

B. Giai đoạn (1844 - 1847)

C. Giai đoạn (1848 - 1895)

D. Giai đoạn (1841 - 1847)

ANSWER: C

43. Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác- Lênin, thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là:

A. Giai đoạn (1841 - 1844)

B. Giai đoạn (1844 - 1847)

C. Giai đoạn (1848 - 1895)

D. Giai đoạn những năm đầu thế kỷ XX

ANSWER: B

44. Trong giai đoạn V.I.Lênin phát triển triết học Mác, thời kỳ 1893 – 1907 là:

A. Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác nhằm thành lập đảng Mác – xít ở Nga và chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất

B. Thời kỳ V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga

C. Thời kỳ hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội

D. Thời kỳ tổng kết thành tựu của cách mạng tháng Mười

ANSWER: A

45. Trong giai đoạn V.I.Lênin phát triển triết học Mác, thời kỳ 1907- 1917 là:

A. Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác

B. Thời kỳ phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị cho cách mạng xã hội chủ nghĩa

C. Thời kỳ hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội

D. Thời kỳ tổng kết thành tựu của cách mạng tháng Mười

ANSWER: B

46. Trong giai đoạn V.I.Lênin phát triển triết học Mác, thời kỳ 1917- 1924 là:

A. Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ triết học Mác và chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười

B. Thời kỳ phát triển triết học Mác và lãnh đạo Cách mạng tháng Mười

C. Thời kỳ tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, bổ sung, hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội

D. Thời kỳ chuyển từ lập trường chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm

ANSWER: C

47. Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác-Lênin nhằm thành lập đảng Mác – xít ở Nga và chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào?

- A. Giai đoạn (1893- 1907)
- B. Giai đoạn (1907- 1917)
- C. Giai đoạn (1917- 1924)
- D. Giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ I

ANSWER: A

48. Thời kỳ V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười

- A. Giai đoạn (1893 – 1907)
- B. Giai đoạn (1907 – 1917)
- C. Giai đoạn (1917 – 1924)
- D. Giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ I

ANSWER: B

49. Tìm đáp án đúng nhất, đối tượng nghiên cứu của triết học Mác - Lênin:

- A. Đạo đức của con người
- B. Giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trên lập trường duy vật biện chứng và nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- C. Sự cấu tạo, biến đổi của giới tự nhiên
- D. Những quy luật phát triển của xã hội

ANSWER: B

50. Tôn giáo thường sử dụng học thuyết nào làm cơ sở lý luận để luận chứng cho các quan điểm của mình?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- D. Chủ nghĩa duy vật cổ đại

ANSWER: A

CHƯƠNG 2

1. Quan điểm nào đồng nhất vật chất với một vài dạng cụ thể như nước, lửa, không khí?
 - A. Chủ nghĩa duy tâm
 - B. Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại
 - C. Chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII-XVIII
 - D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: B

2. Nhà triết học nào quan niệm vật chất là nguyên tử?
 - A. Thales
 - B. Anaximens
 - C. Đêmocrit
 - D. Heraclit

ANSWER: C

3. Nhà triết học nào đồng nhất vật chất là nước?

- A. Thales
- B. Đêmocrit
- C. Heraclit
- D. Anaximens

ANSWER: A

4. Triết gia nào đồng nhất vật chất là lửa?

- A. Thales
- B. Đêmocrit
- C. Heraclit
- D. Anaximens

ANSWER: C

5. Quan điểm nào cho rằng chỉ có một hình thức vận động duy nhất là vận động cơ học?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật thể kỷ siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: C

6. Trường phái nào cho rằng vận động của vật chất là tuyệt đối, đứng im là tương đối, tạm thời?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: D

7. Quan điểm nào cho rằng ý thức là tính thứ nhất, từ đó sinh ra tất cả?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: A

8. Định nghĩa về vật chất của Lênin được nêu trong tác phẩm nào?

- A. Biện chứng của tự nhiên
- B. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán
- C. Bút ký triết học
- D. Nhà nước và cách mạng

ANSWER: B

9. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Ý thức của con người do cảm giác sinh ra
- B. Ý thức quyết định sự tồn tại, biến đổi của thế giới vật chất

- C. Ý thức là một dạng vật chất đặc biệt
- D. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan

ANSWER: D

10. Trong các hình thức sau, hình thức phản ánh nào cao nhất?

- A. Phản ánh vật lý
- B. Phản ánh hóa học
- C. Phản ánh tâm lý
- D. Phản ánh ý thức

ANSWER: D

11. Theo của chủ nghĩa duy vật biện chứng, động vật bậc cao có thể đạt đến hình thức phản ánh nào?

- A. Phản ánh ý thức
- B. Phản ánh tâm lý động vật
- C. Tính kích thích
- D. Tính sáng tạo

ANSWER: B

12. Phản ánh năng động, sáng tạo (phản ánh ý thức) là gì?

- A. Là hình thức phản ánh đặc trưng cho giới tự nhiên hữu sinh
- B. Là hình thức phản ánh đặc trưng cho vật chất vô sinh
- C. Là hình thức phản ánh cao nhất trong các hình thức phản ánh, nó chỉ được thực hiện ở dạng vật chất phát triển cao nhất, có tổ chức cao nhất là bộ óc người.
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: C

13. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc tự nhiên của ý thức gồm những yếu tố nào?

- A. Bộ óc con người và lao động
- B. Thế giới bên ngoài tác động vào bộ óc
- C. Lao động và ngôn ngữ
- D. Bộ óc con người và thế giới bên ngoài tác động vào bộ óc

ANSWER: D

14. Nguồn gốc xã hội của ý thức gồm những yếu tố nào?

- A. Bộ óc con người
- B. Sự tác động của thế giới bên ngoài vào bộ óc con người
- C. Lao động và ngôn ngữ
- D. Thế giới khách quan

ANSWER: C

15. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

- A. Là sự phản ánh hiện thực khách quan vào đầu óc con người một cách năng động, sáng tạo.
- B. Là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

- C. Là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội.
- D. Tất cả các phương án

ANSWER: D

16. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

- A. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- B. Ý thức là sự phản ánh nguyên vẹn về thế giới khách quan
- C. Ý thức là sự phản ánh chính xác về thế giới khách quan
- D. Ý thức là hình ảnh khách quan của thế giới

ANSWER: A

17. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong kết cấu của ý thức yếu tố nào là cơ bản và cốt lõi nhất?

- A. Tri thức
- B. Tình cảm
- C. Niềm tin, ý chí
- D. Ý chí và tư tưởng

ANSWER: A

18. Ph.Ăngghen đã chia vận động làm mấy hình thức cơ bản?

- A. 4 hình thức
- B. 3 hình thức
- C. 5 hình thức
- D. 6 hình thức

ANSWER: C

19. Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là thấp nhất?

- A. Cơ học
- B. Vật lý
- C. Hóa học
- D. Sinh học

ANSWER: A

20. Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là cao nhất?

- A. Sinh học
- B. Hóa học
- C. Vận động xã hội
- D. Vận động của tư duy

ANSWER: C

21. Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức như thế nào?

- A. Vật chất quyết định ý thức
- B. Ý thức quyết định vật chất

- C. Vật chất quyết định ý thức, còn ý thức có tính độc lập tương đối và tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn
- D. Ý thức và vật chất độc lập với nhau

ANSWER: C

22. Quan điểm nào phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: C

23. Ý thức tác động trở lại vật chất được thực hiện thông qua yếu tố nào?

- A. Hoạt động tự thân của ý thức con người
- B. Hoạt động nhận thức của ý thức con người
- C. Hoạt động chủ quan của ý thức con người
- D. Hoạt động thực tiễn của con người

ANSWER: D

24. Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, quan điểm lịch sử- cụ thể yêu cầu như thế nào?

- A. Không cần chú ý đến điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, môi trường cụ thể trong đó sự vật sinh ra
- B. Không cần chú ý đến điều kiện hoàn cảnh lịch sử tồn tại trong đó sự vật tồn tại và phát triển
- C. Cần chú ý đến điều kiện, hoàn cảnh lịch sử- cụ thể của sự vật, hiện tượng đó sinh ra, tồn tại, phát triển
- D. Không chú ý đến không gian, thời gian của sự tồn tại, vận động sự vật

ANSWER: C

25. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng khi xem xét sự vật, hiện tượng, chúng ta cần tránh quan điểm nào?

- A. Quan điểm toàn diện
- B. Quan điểm phát triển
- C. Quan điểm lịch sử - cụ thể
- D. Quan điểm phiến diện, chiết trung, nguy biến

ANSWER: D

26. Chỉ ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về thuật nguy biến?

- A. Phân tích sâu mặt bản chất của đối tượng
- B. Coi trọng mặt hình thức của đối tượng
- C. Đánh tráo các mối liên hệ cơ bản thành không có bản hoặc ngược lại
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: C

27. Phát triển có tính chất gì?

- A. Tính khách quan, phổ biến, đa dạng và phong phú
- B. Tính chủ quan và phổ biến
- C. Tính chủ quan và cô lập
- D. Tính khách quan và cô lập

ANSWER: A

28. Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm phát triển có đặc điểm gì?

- A. Chỉ vận động theo khuynh hướng đi lên của sự vật, hiện tượng
- B. Mang tính chủ quan
- C. Chỉ tăng lên về mặt lượng của sự vật
- D. Chỉ theo vòng tròn khép kín

ANSWER: A

29. Điều không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguyên tắc phát triển?

- A. Cần đặt đối tượng vào sự vận động, phát hiện xu hướng biến đổi của nó
- B. Phát triển là quá trình trải qua nhiều giai đoạn
- C. Phải sớm phát hiện và ủng hộ đối tượng mới
- D. Phải có quan điểm bảo thủ, định kiến khi nghiên cứu đối tượng

ANSWER: D

30. Nội ý nghĩa phương pháp luận của quan điểm phát triển?

- A. Chỉ nắm bắt những cái hiện đang tồn tại ở sự vật
- B. Chỉ nắm bắt cái đã tồn tại của sự vật
- C. Nắm bắt những cái hiện đã, đang tồn tại và thấy xu hướng phát triển trong tương lai của sự vật
- D. Chỉ nắm bắt xu hướng phát triển trong tương lai của sự vật

ANSWER: C

31. Theo quan điểm duy vật biện chứng, cái chung là gì?

- A. Dùng để chỉ một mặt, một thuộc tính không có ở bất kỳ sự vật, hiện tượng nào
- B. Dùng để các mặt, các thuộc tính chỉ có ở một sự vật, hiện tượng
- C. Dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính không những có ở sự vật, hiện tượng nào đó, mà còn lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng khác
- D. Chỉ một sự vật, hiện tượng nhất định

ANSWER: C

32. Mọi liên hệ nhân quả có những thuộc tính nào?

- A. Tính khách quan
- B. Tính phổ biến
- C. Tính tất yếu
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: D

33. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về phạm trù chất của sự vật?
- A. Chất của sự vật tồn tại khách quan bên ngoài sự vật, phụ thuộc vào ý thức của con người
 - B. Chất của sự vật do cảm giác của con người quyết định
 - C. Chất của sự vật chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, là tổng hợp các thuộc tính của sự vật nói lên đặc trưng của sự vật
 - D. Chất của sự vật là thuộc tính không cơ bản của sự vật

ANSWER: C

34. Phạm trù “độ” trong quy luật Lượng - chất được hiểu như thế nào?
- A. Sự biến đổi về chất mà lượng không thay đổi
 - B. Khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản về chất của sự vật, hiện tượng
 - C. Sự biến đổi về chất và lượng của sự vật, hiện tượng
 - D. Khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng bất kỳ cũng làm biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng

ANSWER: B

35. Thế nào là “bước nhảy”?

- A. Là sự phát triển đột biến
- B. Là sự phát triển không hoàn thiện về chất
- C. Là quá trình biến đổi về chất diễn ra tại điểm nút
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: C

36. Quy luật nào là hạt nhân của phép biện chứng duy vật?
- A. Quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những sự thay đổi về chất
 - B. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập
 - C. Quy luật phủ định của phủ định
 - D. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và quy luật phủ định của phủ định

ANSWER: B

37. Quy luật mâu thuẫn có vai trò như thế nào?

- A. Là hạt nhân của phép biện chứng duy vật, vạch ra nguồn gốc động lực của sự vận động và phát triển.
- B. Vạch ra xu hướng của sự phát triển
- C. Vạch ra cách thức của sự phát triển
- D. Vạch ra con đường của sự phát triển

ANSWER: A

38. Mặt đối lập có đặc điểm gì?

- A. Là những mặt có những thuộc tính, tính chất trái ngược nhau
- B. Là những mặt có những thuộc tính, tính chất giống nhau

- C. Là những mặt không có liên hệ với nhau
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: A

39. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đâu là hoạt động cơ bản và quan trọng nhất của thực tiễn?

- A. Hoạt động sản xuất vật chất
- B. Hoạt động chính trị - xã hội
- C. Hoạt động thực nghiệm khoa học
- D. Hoạt động giao tiếp cộng đồng

ANSWER: A

40. Hình thức nào là hình thức cao nhất của giai đoạn nhận thức cảm tính?

- A. Biểu tượng
- B. Cảm giác
- C. Tri giác
- D. Phán đoán

ANSWER: A

41. Hình thức nào là hình thức đầu tiên của giai đoạn nhận thức cảm tính?

- A. Biểu tượng
- B. Cảm giác
- C. Tri giác
- D. Phán đoán

ANSWER: B

42. Nhận thức cảm tính có đặc điểm gì?

- A. Là sự phản ánh trực tiếp khách thể thông qua các giác quan
- B. Là sự phản ánh gián tiếp sự vật, hiện tượng
- C. Là giai đoạn cao của quá trình nhận thức
- D. Phản ánh được bản chất của sự vật, hiện tượng

ANSWER: A

43. Nhận thức lý tính có đặc điểm gì?

- A. Là sự phản ánh trực tiếp khách thể thông qua các giác quan
- B. Là sự phản ánh những thuộc tính bên ngoài của sự vật hiện tượng
- C. Là giai đoạn thấp của quá trình nhận thức
- D. Phản ánh được bản chất của sự vật, hiện tượng

ANSWER: D

44. Thế nào là chân lý?

- A. Tri thức phù hợp với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm
- B. Tri thức không phản ánh đúng hiện thực khách quan
- C. Tri thức thuộc về số đông

D. Tất cả các đáp án

ANSWER: A

45. Con đường biện chứng của quá trình nhận thức phải diễn ra như thế nào?

- A. Từ nhận thức lý tính đến nhận thức cảm tính
- B. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn
- C. Từ tư duy trừu tượng đến trực quan sinh động, từ trực quan sinh động đến thực tiễn
- D. Từ trực quan sinh động đến thực tiễn, từ thực tiễn đến tư duy trừu tượng

ANSWER: B

46. Đặc điểm chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại là gì?

- A. Đồng nhất vật chất nói chung với ý niệm tuyệt đối
- B. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hữu hình, cảm tính của vật chất.
- C. Đồng nhất vật chất với khối lượng
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: B

47. Điều không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật trước Mác?

- A. Khẳng định khởi nguyên của thế giới là vật chất
- B. Tất cả các đáp án
- C. Vật chất tồn tại dưới dạng những vật thể cụ thể
- D. Vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan.

ANSWER: D

48. Những phát minh của các nhà khoa học cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong lĩnh vực vật lý chứng tỏ điều gì?

- A. Vật chất bị tiêu tan
- B. Giới hạn nhận thức của con người bị tiêu tan
- C. Vận động bị tiêu tan
- D. Tất cả các phương án

ANSWER: B

49. Điều là quan niệm về vật chất của triết học Mác - Lênin?

- A. Đồng nhất vật chất với 1 dạng cụ thể của nó
- B. Không đồng nhất vật chất với vật thể
- C. Coi vật chất tồn tại tách rời các dạng cụ thể của vật chất
- D. Coi vật chất lệ thuộc hoàn toàn vào ý thức

ANSWER: B

50. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là phạm trù triết học được hiểu như thế nào?

- A. Vật chất vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại
- B. Vật chất được sinh ra và bị mất đi
- C. Vật chất có giới hạn

D. Vật chất được đồng nhất với vật thể

ANSWER: A

51. Trong định nghĩa vật chất của Lênin, thuộc tính nào là cơ bản nhất phân biệt vật chất với ý thức?

- A. Thực tại khách quan
- B. Vận động và biến đổi
- C. Có khối lượng và quảng tính
- D. Không có khối lượng

ANSWER: A

52. Theo định nghĩa vật chất của Lênin, khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Vật chất tồn tại bên ngoài ý thức con người và thông qua các dạng cụ thể
- B. Vật chất tồn tại vĩnh viễn, tách rời với các dạng cụ thể của vật chất
- C. Đồng nhất vật chất với một dạng cụ thể của vật chất
- D. Vật chất tồn tại phụ thuộc ý thức con người

ANSWER: A

53. Trường phái triết học nào quan niệm “Vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất”?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: D

54. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, không gian có đặc điểm gì?

- A. Mang tính chủ quan
- B. Phụ thuộc vào ý niệm tuyệt đối
- C. Là hình thức tồn tại của vật chất
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: C

55. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất, không tách rời vật chất
- B. Không gian và thời gian phụ thuộc với cảm giác của con người
- C. Không gian thuần túy ngoài vật chất
- D. Thời gian tồn tại thuần túy ngoài vật chất

ANSWER: A

56. Đây không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất
- B. Mọi bộ phận của thế giới vật chất đều liên hệ, chuyển hoá lẫn nhau

- C. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, vĩnh viễn, vô hạn, vô tận, không do ai sinh ra và không mất đi
- D. Thế giới vật chất bao gồm những bộ phận riêng biệt nhau

ANSWER: D

57. Quan điểm nào cho rằng “ý niệm tuyệt đối” là bản thể sinh ra toàn bộ thế giới hiện thực?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

ANSWER: B

58. Quan điểm nào tuyệt đối hoá vai trò của cảm giác, coi cảm giác là tồn tại duy nhất sinh ra thế giới vật chất?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật cổ đại

ANSWER: A

59. Nhân tố nào làm con người tách khỏi thế giới động vật?

- A. Hoạt động sinh sản duy trì nòi giống
- B. Lao động
- C. Hoạt động phản ánh
- D. Hoạt động tinh thần

ANSWER: B

60. Để phản ánh khái quát hiện thực khách quan và trao đổi thông tin thì con người cần có gì?

- A. Công cụ lao động
- B. Đối tượng lao động
- C. Ngôn ngữ
- D. Công cụ lao động và đối tượng lao động

ANSWER: C

61. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc nào là trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức?

- A. Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người
- B. Lao động, thực tiễn xã hội
- C. Bộ não người và hoạt động của nó
- D. Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người và giới tự nhiên

ANSWER: B

62. Chỉ ra sự khác nhau cơ bản giữa phản ánh ý thức và các hình thức phản ánh khác của thế giới vật chất?

- A. Tính đúng đắn trung thực với vật phản ánh
- B. Tính sáng tạo năng động, sáng tạo
- C. Tính sai lệch với vật phản ánh
- D. Tính bị quy định bởi thế giới tự nhiên

ANSWER: B

63. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ý thức tác động đến vật chất như thế nào?

- A. Ý thức tự nó có thể làm thay đổi được hiện thực
- B. Ý thức tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn
- C. Ý thức tác động đến vật chất một cách thụ động
- D. Ý thức quyết định vật chất

ANSWER: B

64. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Tuyệt đối hoá vai trò của ý thức
- B. Tuyệt đối hoá vai trò của vật chất, phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức
- C. Khẳng định vật chất quyết định nội dung, hình thức và bản chất của ý thức
- D. Phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức

ANSWER: C

65. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật siêu hình?

- A. Tuyệt đối hoá vai trò của ý thức
- B. Khẳng định ý thức sinh ra tất cả, còn vật chất chỉ là bản sao
- C. Tuyệt đối hoá vai trò của vật chất, phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức
- D. Vật chất quyết định ý thức và ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất.

ANSWER: C

66. Chỉ ra đặc điểm của mối liên hệ phổ biến theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Là những quy định bên ngoài, có tính ngẫu nhiên của sự vật
- B. Là sự tác động lẫn nhau giữa các sự vật mang tính ngẫu nhiên
- C. Là sự tác động, sự chuyển hoá lẫn nhau của các sự vật, hiện tượng mang tính chủ quan
- D. Là sự tác động, sự chuyển hoá lẫn nhau giữa các sự vật và giữa các mặt của sự vật.

ANSWER: D

67. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phân loại các mối liên hệ có đặc điểm gì?

- A. Mang tính tương đối
- B. Mang tính tuyệt đối
- C. Mang tính bất biến
- D. Mang tính chủ quan

ANSWER: A

68. Theo quan điểm duy vật biện chứng, cái riêng là gì?

- A. Dùng để chỉ mặt, thuộc tính không có ở bất kỳ sự vật, hiện tượng nào

- B. Dùng để chỉ các mặt, các thuộc tính chỉ có ở một sự vật, hiện tượng
- C. Dùng để chỉ các mặt, các thuộc tính lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng
- D. Là phạm trù triết học dùng để chỉ một sự vật, hiện tượng nhất định

ANSWER: D

69. Theo quan điểm duy vật biện chứng, cái đơn nhất là gì?

- A. Chỉ các mặt, thuộc tính có ở tất cả các sự vật, hiện tượng
- B. Là phạm trù triết học dùng để các mặt, các đặc điểm chỉ vốn có ở một sự vật, hiện tượng nào đó, mà không lặp lại ở sự vật, hiện tượng nào khác
- C. Chỉ các mặt, các thuộc tính lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng
- D. Chỉ nhiều mặt, nhiều thuộc tính

ANSWER: B

70. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- A. Cái chung là cái bộ phận
- B. Muốn nhận thức cái chung thì phải đi từ cái riêng
- C. Cái riêng là cái toàn thể
- D. Cái chung không gia nhập hết vào cái riêng

ANSWER: D

71. Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây sai?

- A. Cái riêng là chỉ một sự vật, hiện tượng, quá trình riêng lẻ nhất định
- B. Cái chung không phụ thuộc vào cái riêng và sinh ra cái riêng
- C. Cái đơn nhất và cái chung không chuyển hoá cho nhau
- D. Cái riêng lớn hơn cái chung

ANSWER: B

72. Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây là sai?

- A. Cái chung tồn tại trong những cái riêng; thông qua những cái riêng mà cái chung biểu hiện sự tồn tại
- B. Cái riêng là cái toàn bộ còn cái chung là cái bộ phận
- C. Cái riêng tồn tại độc lập so với cái chung
- D. Cái đơn nhất và cái chung có thể chuyển hóa qua lại lẫn nhau

ANSWER: C

73. Theo quan điểm duy vật biện chứng, nguyên nhân được hiểu như thế nào?

- A. Là phạm trù chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt hay giữa các sự vật nhằm gây ra một sự biến đổi nhất định kèm theo
- B. Là một sự vật, hiện tượng sinh ra sự vật hiện tượng khác
- C. Là cái có sau kết quả
- D. Đồng nhất với nguyên có và điều kiện

ANSWER: A

74. Nguyên nhân, nguyên có và điều kiện có quan hệ như thế nào?

- A. Khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau
- B. Hoàn toàn giống nhau
- C. Tồn tại độc lập với nhau
- D. Nguyên nhân, nguyên cơ sinh ra điều kiện

ANSWER: A

75. Chỉ ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả?

- A. Nguyên nhân không ảnh hưởng đến kết quả
- B. Nguyên nhân sinh ra kết quả
- C. Nguyên nhân không có mối liên hệ nhiều đến kết quả
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: B

76. Chỉ ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguyên nhân và kết quả?

- A. Nguyên nhân có trước kết quả
- B. Sự phân biệt giữa nguyên nhân và kết quả mang tính tuyệt đối
- C. Nguyên nhân xuất hiện sau kết quả
- D. Một nguyên nhân chỉ sinh ra một kết quả

ANSWER: A

77. Theo quan điểm của Triết học Mác - Lênin, bản chất là gì?

- A. Là phạm trù triết học dùng để chỉ tổng thể các mối liên hệ khách quan, tất nhiên, tương đối ổn định bên trong, quy định sự vận động, phát triển của đối tượng
- B. Chỉ những biểu hiện của các mặt, mối liên hệ tất nhiên tương đối ổn định ở bên ngoài
- C. Chỉ tổng thể tất cả các mặt, yếu tố tạo nên sự vật, hiện tượng
- D. Chỉ phương thức tồn tại, biểu hiện và phát triển của sự vật, hiện tượng

ANSWER: A

78. Điều không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Chất là phạm trù triết học
- B. Chất chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật
- C. Chất là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không phải cái khác
- D. Chất biến đổi nhanh, lượng biến đổi chậm

ANSWER: D

79. Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây sai?

- A. Lượng là tính quy định khách quan vốn có của sự vật
- B. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật
- C. Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người
- D. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật

ANSWER: C

80. Điều là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong giới tự nhiên

- B. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong xã hội
- C. Mâu thuẫn tồn tại trong cả tự nhiên, xã hội, tư duy
- D. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy

ANSWER: C

81. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về quy luật mâu thuẫn?

- A. Có thống nhất của các mặt đối lập nhưng không có đấu tranh giữa chúng
- B. Trong mâu thuẫn biện chứng sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập không tách rời nhau
- C. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập luôn tách rời nhau
- D. Thống nhất của các mặt đối lập là tuyệt đối, đấu tranh giữa chúng là tương đối

ANSWER: B

82. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ?

- A. Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tạm thời
- B. Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tuyệt đối
- C. Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tương đối
- D. Đấu tranh giữa các mặt đối lập vừa tạm thời và tương đối

ANSWER: B

83. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập giữa các sự vật, hiện tượng
- B. Mâu thuẫn biện chứng phụ thuộc ý muốn con người
- C. Mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập trong một sự vật và giữa các sự vật với nhau
- D. Mâu thuẫn biện chứng là có nguyên nhân từ bên ngoài

ANSWER: C

84. Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Các mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau
- B. Các mặt đối lập không đấu tranh mà luôn thống nhất với nhau
- C. Các mặt đối lập không đấu tranh và thống nhất với nhau
- D. Các mặt đối lập không đấu tranh mà luôn thống nhất với nhau

ANSWER: A

85. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- A. Phủ định biện chứng xoá bỏ cái cũ hoàn toàn
- B. Phủ định biện chứng không xoá bỏ cái cũ
- C. Phủ định biện chứng loại bỏ những yếu tố không thích hợp của cái cũ
- D. Phủ định biện chứng giữ lại và cải biến những yếu tố thích hợp của cái cũ

ANSWER: A

86. Chỉ ra đặc điểm của kế thừa biện chứng?

- A. Xóa bỏ hoàn toàn cái cũ
- B. Kế thừa toàn bộ cái cũ
- C. Kế thừa những yếu tố thích hợp và loại bỏ yếu tố không thích hợp
- D. Kế thừa những yếu tố tiêu cực

ANSWER: C

87. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng tuân theo đường nào?

- A. Đường cong
- B. Đường thẳng
- C. Đường xoáy ốc
- D. Đường tròn khép kín

ANSWER: C

88. Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây sai?

- A. Thực tiễn là nguồn gốc của nhận thức
- B. Thực tiễn là động lực của nhận thức
- C. Thực tiễn là hoạt động vật chất và tinh thần của con người
- D. Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra tính chân lý của nhận thức

ANSWER: C

89. Điều không phải là nội dung của nguyên tắc thực tiễn?

- A. Yêu cầu xem xét sự vật, hiện tượng phải luôn gắn với nhu cầu của thực tiễn
- B. Coi trọng tổng kết thực tiễn
- C. Gắn lý luận với thực tiễn
- D. Tách lý luận khỏi thực tiễn

ANSWER: D

90. Điều là nội dung thuộc về nguyên tắc thực tiễn?

- A. Cần tách rời lý luận với thực tiễn
- B. Coi trọng lý luận hơn thực tiễn
- C. Coi trọng thực tiễn hơn lý luận
- D. Gắn lý luận với thực tiễn

ANSWER: D

CHƯƠNG 2: VẬN DỤNG

91. Thêm cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa về vật chất của Lênin: “Vật chất là..(1).. dùng để chỉ..(2).. được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”?

- A. 1- Vật thể, 2- hoạt động
- B. 1- Phạm trù triết học, 2- Thực tại khách quan
- C. 1- Phạm trù triết học, 2 - Một vật thể

D. 1- Phạm trù triết học, 2 - các sự vật

ANSWER: B

92. Luận điểm “Vật chất là cái được cảm giác chúng ta chép lại, phản ánh lại” được hiểu như thế nào?

- A. Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng nhận thức được thế giới
- B. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể nhận thức đúng thế giới
- C. Cảm giác, ý thức phản ánh thụ động thế giới vật chất
- D. Cảm giác của con người không thể phản ánh đúng thế giới vật chất

ANSWER: A

93. Định nghĩa vật chất của Lênin có ý nghĩa như thế nào?

- A. Phân biệt sự khác nhau giữa khái niệm vật chất với tư cách là phạm trù triết học với khái niệm vật chất với tư cách là phạm trù của các khoa học chuyên ngành
- B. Khẳng định tính thứ nhất của vật chất, tính thứ hai của ý thức, khẳng định khả năng con người có thể nhận thức được thực tại khách quan
- C. Khắc phục hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật cũ, cung cấp căn cứ khoa học để xác định cái gì thuộc về vật chất
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: D

94. Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm duy vật biện chứng: “Không gian và thời gian....”?

- A. Chỉ là cảm giác của con người
- B. Gắn liền với nhau và với vật chất vận động
- C. Tồn tại độc lập với vật chất vận động
- D. Tồn tại tách rời nhau

ANSWER: B

95. Trong định nghĩa vật chất, Lênin khẳng định vật chất được cảm giác của con người chép lại, chụp lại, phản ánh là muốn khẳng định điều gì?

- A. Vật chất tác động lên con người
- B. Vật chất tồn tại khách quan
- C. Con người có khả năng nhận thức được thế giới khách quan
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: C

96. Nội dung “Được đem lại cho con người trong cảm giác” trong định nghĩa vật chất của Lênin diễn tả điều gì?

- A. Ý thức có trước vật chất
- B. Con người có khả năng nhận thức thế giới vật chất
- C. Ý thức là sự phản ánh lại vật chất
- D. Con người không có khả năng nhận thức thế giới vật chất

ANSWER: C

97. Trường phái nào quan niệm: “Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn phải lấy hiện thực khách quan làm căn cứ”?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa kinh nghiệm

ANSWER: A

98. Nghiên cứu mối quan hệ giữa vật chất và ý thức cho thấy trong hoạt động nhận thức và thực tiễn chúng ta phải làm gì?

- A. Xuất phát từ mong muốn chủ quan của con người mà không cần quan tâm đến hoàn cảnh
- B. Xuất phát từ ý muốn của con người, phát huy tính năng động chủ quan
- C. Chỉ cần xuất phát từ ý muốn chủ quan của con người
- D. Xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan đồng thời phát huy tính năng động chủ quan.

ANSWER: D

99. Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan được rút ra từ nội dung lý luận nào?

- A. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức
- B. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất
- C. Tính năng động, sáng tạo của ý thức
- D. Tính chủ quan của ý thức con người

ANSWER: A

100. Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải phát huy tính năng động chủ quan được rút ra từ nội dung lý luận nào?

- A. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức
- B. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất
- C. Bản chất năng động, sáng tạo của ý thức
- D. Sự tác động qua lại giữa vật chất và ý thức

ANSWER: C

101. Bổ sung để được một khẳng định đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: “Các sự vật, hiện tượng...”?

- A. Chỉ có những quan hệ bề ngoài mang tính ngẫu nhiên
- B. Không thể chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định
- C. Có mối liên hệ, quy định, ràng buộc lẫn nhau
- D. Tồn tại biệt lập, tách rời nhau trong sự phát triển

ANSWER: C

102. Cơ sở nào tạo nên mối liên hệ phổ biến của các sự vật, hiện tượng?

- A. Do tính thống nhất vật chất của thế giới
- B. Do khả năng nhận thức sáng tạo của chủ thể
- C. Do sự tồn tại độc lập giữa các sự vật, hiện tượng
- D. Sự tồn tại của thế giới tinh thần

ANSWER: A

103. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có các tính chất nào?
- A. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng, phong phú
 - B. Tính khách quan, tính phổ biến, tính một mặt
 - C. Tính chủ quan và tính cụ thể
 - D. Tính phổ biến, tính chủ quan, tính đa dạng, phong phú

ANSWER: A

104. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguyên tắc toàn diện, luận điểm nào sau đây là đúng?
- A. Là chỉ nhìn một chiều mà không thấy mặt khác
 - B. Là đánh tráo các mối liên hệ cơ bản thành không có bản
 - C. Là lắp ghép vô nguyên tắc các mối liên hệ trái ngược nhau
 - D. Đòi hỏi khi nghiên cứu đối tượng cần đặt nó trong chính thể thống nhất của tất cả các mặt, các mối liên hệ

ANSWER: D

105. Điều gì không phải là nội dung của nguyên tắc toàn diện?
- A. Khi nghiên cứu đối tượng cần đặt nó trong chính thể thống nhất của tất cả các mặt, các mối liên hệ
 - B. Phải rút ra được các mặt, các mối liên hệ tất yếu và nhận thức chúng trong sự thống nhất hữu cơ
 - C. Cần xem xét đối tượng này trong mối liên hệ với đối tượng
 - D. Chỉ nhìn một chiều, thấy mặt này mà không thấy mặt khác

ANSWER: D

106. Thêm cụm từ nào vào câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: “Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển có...”?
- A. Đồng nhất với nhau một cách hoàn toàn
 - B. Độc lập với nhau một cách hoàn toàn
 - C. Quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng không đồng nhất với nhau.
 - D. Tách biệt với nhau tương đối

ANSWER: C

107. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận định nào sau đây là đúng?
- A. Ý muốn chủ quan của con người quy định sự phát triển của sự vật, hiện tượng
 - B. Nguồn gốc của sự phát triển nằm ngay trong bản thân sự vật
 - C. Phát triển chỉ đơn thuần là sự tăng lên về lượng
 - D. Phát triển chỉ tất cả sự vận động nói chung

ANSWER: B

108. Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống: “cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ, được lặp lại trong nhiều sự vật hay quá trình riêng lẻ”?

- A. Một sự vật, một quá trình
- B. Những mặt, những thuộc tính
- C. Những mặt, những thuộc tính không đồng nhất
- D. Một hiện tượng, một sự vật, không liên hệ với nhau

ANSWER: B

109. Đưa ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về đặc điểm của cái đơn nhất?

- A. Tồn tại phổ biến ở nhiều sự vật, hiện tượng
- B. Tồn tại ở một sự vật, hiện tượng mà không lặp lại ở sự vật, hiện tượng nào khác
- C. Tồn tại ở tất cả các sự vật, hiện tượng
- D. Không liên quan đến cái chung, cái riêng

ANSWER: B

110. Điền vào chỗ trống: V.I.Lênin viết: “Cái riêng chỉ tồn tại trong mối liên hệ đưa đến ...”?

- A. Cái chung
- B. Cái bản thể
- C. Cái đơn nhất
- D. Cái đặc thù

ANSWER: A

111. Điền các từ đúng vào chỗ trống sau: “Cái ... tồn tại trong... và thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình”?

- A. Cái chung / cái riêng
- B. Cái riêng / cái chung
- C. Cái chung / Cái đơn nhất
- D. Cái đơn nhất / cái riêng

ANSWER: A

112. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống: “Cái... là bộ phận nhưng sâu sắc hơn cái...”?

- A. Riêng/Chung
- B. Chung/Toàn diện
- C. Riêng/Bộ phận
- D. Chung/Riêng

ANSWER: D

113. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống, V.I.Lênin viết: “Bất cứ ... nào cũng chỉ bao quát một cách đại khái tất cả mọi vật riêng lẻ”?

- A. Cái riêng
- B. Cái đơn nhất
- C. Cái chung

D. Cái đặc thù

ANSWER: C

114. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống, V.I.Lênin viết: “Bất cứ ... nào cũng không gia nhập đầy đủ vào cái chung”?

A. Cái riêng

B. Cái đơn nhất

C. Cái chung

D. Cái đặc thù

ANSWER: A

115. Chỉ ra ý nghĩa phương pháp luận được rút ra từ mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?

A. Muốn rút ra cái chung phải thông qua nhiều cái riêng

B. Muốn rút ra cái chung không cần phải thông qua cái riêng

C. Cái chung luôn luôn tồn tại độc lập với cái riêng

D. Chỉ cần quan tâm đến cái riêng mà không cần quan tâm đến cái chung

ANSWER: A

116. Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận định nào sau đây là sai?

A. Cần phải cá biệt hoá cái chung cho phù hợp với đặc điểm của từng trường hợp cụ thể

B. Trong hoạt động thực tiễn cần phải tạo điều kiện để “cái đơn nhất” có lợi trở thành “cái chung” và “cái chung” bất lợi trở thành “cái đơn nhất”

C. Khi sử dụng một kinh nghiệm nào đó trong điều kiện khác thì chỉ nên rút ra những mặt chung đối với trường hợp đó.

D. Trong hoạt động thực tiễn cần phải tạo điều kiện thuận lợi để “cái đơn nhất” bất lợi trở thành “cái chung” và “cái chung” có lợi trở thành “cái đơn nhất”

ANSWER: D

117. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống: “Trong hoạt động thực tiễn có thể và cần phải tạo điều kiện thuận lợi để cái đơn nhất có lợi cho con người trở thành...và... bất lợi trở thành cái đơn nhất”?

A. Cái chung/cái chung

B. Cái riêng/ cái riêng

C. Cái đơn nhất/ cái đơn nhất

D. Cái chung/ cái riêng

ANSWER: A

118. Bài học: “Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ tình hình cụ thể của từng đất nước” được rút ra từ luận điểm nào?

A. Áp dụng cái chung vào cái riêng phải chú ý đến hoàn cảnh cụ thể

B. Áp dụng cái chung vào cái riêng một cách phiến diện

C. Áp dụng cái riêng phải dựa vào cái chung

D. Áp dụng cái chung vào cái riêng không cần xem xét đến cái đặc thù

ANSWER: A

119. Lựa chọn từ đúng vào chỗ trống, theo chủ nghĩa duy vật biện chứng: “Muốn xác định nguyên nhân của một hiện tượng nào đó, chúng ta phải tìm những mối liên hệ giữa những sự kiện xảy ra . . .”?

- A. Sau khi hiện tượng này xuất hiện
- B. Trước khi hiện tượng này xuất hiện
- C. Trong khi hiện tượng này xuất hiện
- D. Đồng thời với hiện tượng này

ANSWER: B

120. Điền vào chỗ trống: “Muốn loại bỏ một sự vật, hiện tượng nào đó không cần thiết, thì phải”?

- A. Loại bỏ nguyên nhân gián tiếp sinh ra nó
- B. Loại bỏ nguyên nhân sinh ra nó
- C. Loại bỏ nguyên nhân chủ quan sinh ra nó
- D. Loại bỏ nguyên nhân bên ngoài sinh ra nó

ANSWER: B

121. Theo quan điểm của Triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả, khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Một nguyên nhân chỉ sinh ra một kết quả
- B. Nguyên nhân có thể chuyển hoá thành kết quả
- C. Mỗi sự vật, hiện tượng chỉ do một nguyên nhân sinh ra
- D. Một nguyên nhân chỉ có thể sản sinh ra hai kết quả trái ngược nhau

ANSWER: B

122. Chọn cụm từ đúng để điền vào chỗ trống: “Phản ánh là thuộc tính...”?

- A. Đặc biệt của các dạng vật chất hữu cơ
- B. Phổ biến của mọi dạng vật chất
- C. Riêng của các dạng vật chất vô cơ
- D. Duy nhất của não người

ANSWER: B

123. Chọn câu trả lời đúng nhất về “mối liên hệ”?

- A. Là phạm trù triết học dùng để chỉ các mối ràng buộc tương hỗ, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố, bộ phận trong một đối tượng hoặc giữa các đối tượng với nhau
- B. Là khái niệm dùng để chỉ các mối ràng buộc tương hỗ, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau chỉ trong đối tượng
- C. Là phạm trù triết học dùng để chỉ các mối ràng buộc tương hỗ, quy định và ảnh hưởng chỉ giữa các đối tượng với nhau
- D. Là quá trình vận động từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, từ chất cũ đến chất mới ở trình độ cao hơn

ANSWER: A

124. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thì cái tất nhiên bao giờ cũng ... cho mình xuyên qua vô số cái ngẫu nhiên”?

- A. Phản biện
- B. Vạch đường đi
- C. Phủ nhận
- D. Bác bỏ

ANSWER: B

125. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phù hợp giữa nội dung và hình thức bao giờ cũng là sự phù hợp ...”?

- A. Tuyệt đối
- B. Vĩnh viễn
- C. Tạm thời
- D. Bất biến

ANSWER: C

126. Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Cần phải căn cứ vào cái tất nhiên chứ không thể dựa vào ngẫu nhiên
- B. Có thể chỉ ra tất nhiên bằng cách nghiên cứu những ngẫu nhiên mà tất nhiên phải đi qua
- C. Không nên bỏ qua ngẫu nhiên mà phải có những phương án dự phòng trường hợp các sự cố ngẫu nhiên bất ngờ xuất hiện
- D. Tất nhiên tồn tại độc lập với ngẫu nhiên

ANSWER: D

127. Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, chúng ta phải làm gì?

- A. Phải căn cứ vào cái tất nhiên nhưng đồng thời phải tính đến cái ngẫu nhiên
- B. Phủ nhận, gạt bỏ cái tất nhiên
- C. Phủ nhận, gạt bỏ cái ngẫu nhiên
- D. Chỉ căn cứ vào cái ngẫu nhiên mà không quan tâm đến cái tất nhiên

ANSWER: A

128. Câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người” thuộc nhằm để chỉ điều gì?

- A. coi trọng hình thức hơn nội dung
- B. coi trọng nội dung hơn hình thức
- C. Không coi trọng cả nội dung và hình thức
- D. coi trọng nội dung và hình thức như nhau

ANSWER: B

129. Từ quy luật lượng- chất, trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần phải làm gì?

- A. Chỉ chú trọng về mặt lượng
- B. Chỉ chú trọng về mặt chất

- C. Chú trọng cả lượng và chất
- D. Tuân theo khuynh hướng tả khuynh

ANSWER: C

130. Trong nhiệm vụ đưa đất nước thoát khỏi chế độ thực dân phong kiến thì Cách mạng tháng 8/1945 là thực hiện theo hình thức bước nhảy nào?

- A. Bước nhảy cục bộ
- B. Bước nhảy toàn bộ
- C. Bước nhảy đột biến
- D. Bước nhảy tức thời

ANSWER: B

131. Trong giai đoạn 1975-1986, những sai lầm của sự chủ quan, nóng vội hay của sự bảo thủ, trì trệ của Đảng và nhà nước ta là do không tôn trọng quy luật cơ bản nào?

- A. Quy luật mâu thuẫn
- B. Quy luật lượng chất
- C. Quy luật phủ định của phủ định
- D. Quy luật đấu tranh giai cấp

ANSWER: B

132. Giai đoạn 1975-1986, Đảng và nhà nước ta đã mắc bệnh chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết trong quá trình phát triển đất nước. Vậy Đảng ta đã mắc phải sai lầm gì theo quy luật lượng - chất?

- A. Hữu khuynh
- B. Tả khuynh
- C. Tất cả các đáp án
- D. Khách quan

ANSWER: B

133. Câu thành ngữ nào không hàm chứa nội dung theo quy luật lượng- chất?

- A. Có đi có lại mới toại lòng nhau
- B. Róc mòn cạn ruộng
- C. Tích tiểu thành đại
- D. Có công mài sắt có ngày nên kim

ANSWER: A

134. Câu ca dao “Một cây làm chẳng nên non; Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” thể hiện nội dung chính của quy luật nào?

- A. Quy luật mâu thuẫn
- B. Quy luật phủ định của phủ định
- C. Quy luật lượng chất
- D. Quy luật lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

ANSWER: C

135. Câu tục ngữ « Tích tiểu thành đại » thuộc về nội dung của quy luật nào ?

- A. Quy luật mâu thuẫn
- B. Quy luật phủ định của phủ định
- C. Quy luật lượng chất
- D. Không thuộc về quy luật nào

ANSWER : C

136. Muốn làm thay đổi chất của sự vật cần phải làm gì ?

- A. Phân biệt rõ hai mặt chất và lượng của sự vật
- B. Kiên trì tích lũy về lượng đến mức cần thiết
- C. Lựa chọn thời cơ đúng đắn để thực hiện bước nhảy
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER : D

137. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, mâu thuẫn giữa *thực trạng nền kinh tế phát triển còn thấp* với *mục tiêu phát triển đất nước cao* được xem là mâu thuẫn nào ?

A. Mâu thuẫn bên ngoài

- A. Mâu thuẫn cơ bản
- B. Mâu thuẫn thứ yếu
- C. Mâu thuẫn đối kháng

ANSWER: B

138. Câu nói của C.Mác “Hạnh phúc là đấu tranh” muốn nhấn mạnh đến quy luật nào?

- A. Quy luật mâu thuẫn
- B. Quy luật lượng chất
- C. Quy luật phủ định của phủ định
- D. Không có đáp án đúng

ANSWER: A

139. Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm về nguồn gốc sâu xa của sự vận động phát triển của sự vật, hiện tượng như thế nào?

- A. Do cái hích của Thượng đế
- B. Do mâu thuẫn bên trong sự vật, hiện tượng
- C. Do mâu thuẫn giữa lực lượng vật chất và lực lượng tinh thần
- D. Do mâu thuẫn bên ngoài của sự vật, hiện tượng

ANSWER: B

140. Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: “Phép biện chứng cho rằng, sự đấu tranh của các mặt đối lập là... của các mặt đối lập”?

- A. Sự bài trừ, phủ định lẫn nhau
- B. Sự thủ tiêu lẫn nhau
- C. Không còn thống nhất với nhau
- D. Không còn sự thống nhất và thủ tiêu nhau

ANSWER: A

141. Việt Nam lựa chọn con đường: “...*tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa*”, nội hàm của từ “*bỏ qua*” được hiểu là?

- A. Phủ định
- B. Phủ định biện chứng
- C. Phủ định sạch trơn (Siêu hình)
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: B

142. Trong quá trình hoạch định các chủ trương, đường lối phát triển đất nước, Đảng ta phải dựa trên cơ sở nào?

- A. Những quy luật khách quan
- B. Thực tiễn sự vận động, phát triển của xã hội
- C. Xu thế phát triển của thời đại
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: D

143. Bổ sung để được một định nghĩa đúng: “Thực tiễn là...”?

- A. Hiện thực khách quan, tồn tại bên ngoài con người và độc lập với nhận thức của con người
- B. Toàn bộ hoạt động vật chất, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến xã hội
- C. Toàn bộ hoạt động vật chất, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến thế giới
- D. Toàn bộ hoạt động vật chất – cảm tính, có tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội phục vụ nhân loại tiến bộ

ANSWER: D

144. Ph.Ăngghen nói: “Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người...con người trước hết phải cần ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo được”. Câu nói trên của C.Mác nhấn mạnh vai trò của hình thức nào?

- A. Hoạt động sản xuất vật chất
- B. Hoạt động chính trị- xã hội
- C. Hoạt động thực nghiệm khoa học
- D. Hoạt động nghệ thuật

ANSWER: A

145. Bổ sung để được một câu trả lời đúng: “Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, nhận thức là . . .”?

- A. Sự hồi tưởng lại của linh hồn bất tử về thế giới
- B. Phản ánh hiện thực khách quan một cách sáng tạo
- C. Sao chép nguyên xi hiện thực khách quan vào bộ não con người
- D. Hoàn toàn tính chủ quan của con người

ANSWER: B

146. Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Nhận thức là quá trình tạo thành tri thức về thế giới khách quan trong bộ óc con người
- B. Nhận thức là quá trình phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người
- C. Nhận thức là quá trình phản ánh nguyên xi sự vật, hiện tượng vào trong đầu óc con người
- D. Nhận thức là một quá trình biện chứng có vận động và phát triển

ANSWER: C

147. Chỉ ra quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm về cảm giác?

- A. Là hình thức đầu tiên đưa lại cho con người những thông tin trực tiếp, đơn giản nhất về một thuộc tính riêng lẻ
- B. Cho ta hình ảnh về sự vật trọn vẹn
- C. Là hình ảnh sự vật được tái hiện trong óc nhờ trí nhớ
- D. Là hình thức phản ánh khái quát, gián tiếp sự vật

ANSWER: A

148. Điền từ thích hợp vào chỗ trống, theo V.I.Lênin: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là ... của lý luận nhận thức”

- A. Thứ hai
- B. Quan điểm thứ nhất và cơ bản
- C. Quan điểm cơ bản
- D. Quan điểm đầu tiên

ANSWER: B

149. Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, “chân lý là tri thức phù hợp với hiện thực khách quan mà con người... và được... kiểm nghiệm”?

- A. Sáng tạo/ nhận thức
- B. Phản ánh/ thực tiễn
- C. Lao động/ thực tế
- D. Nhận thức/ thực tiễn

ANSWER: B

150. Điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống: “Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất - cảm tính, có ... của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội phục vụ nhân loại tiến bộ”?

- A. Có cơ sở
- B. Có động lực
- C. Tính lịch sử - xã hội
- D. Có nguồn gốc, mang tính lịch sử - xã hội

ANSWER: C

CHƯƠNG 3

1. Điền thêm từ để hoàn thiện nhận định sau đây của V.I.Lênin: “Chủ nghĩa Mác đã mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn của...”?
- a. Các hệ thống vật chất trong giới tự nhiên
 - b. Các quá trình kinh tế và chính trị - tự nhiên
 - c. Các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy
 - d. Các hình thái kinh tế- xã hội

ANSWER: D

2. Chỉ ra nguồn gốc sâu xa của sự vận động phát triển của xã hội?
- a. Sự phát triển của kiến trúc thượng tầng
 - b. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng
 - c. Sự phát triển của quan hệ sản xuất
 - d. Sự phát triển của lực lượng sản xuất

ANSWER: D

3. Điền thêm từ để hoàn thiện nhận định sau đây và xác định đó là nhận định của ai: “Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: loài vật may mắn lắm chỉ hái lượm trong khi con người lại...(2)...”?
- A. Biết sáng tạo/Ph.Ăngghen
 - B. Sản xuất/Ph.Ăngghen
 - C. Tiến hành lao động/C.Mác
 - D. Tư duy/V.I.Lênin

ANSWER: B

4. Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm duy vật lịch sử về vai trò của sản xuất vật chất?
- A. Nền tảng của xã hội
 - B. Nền tảng vật chất của xã hội
 - C. Nền tảng tinh thần của xã hội
 - D. Nền tảng kỹ thuật, công nghệ của xã hội

ANSWER: B

5. Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ nào?
- A. Mối quan hệ giữa con người với con người trong sở hữu tư liệu sản xuất
 - B. Mối quan hệ giữa các yếu tố tinh thần
 - C. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, khả năng chinh phục tự nhiên của con người
 - D. Mối quan hệ giữa con người với con người trong phân phối sản phẩm

ANSWER: C

6. Đặc điểm của “phương thức sản xuất” dùng để chỉ:
- A. Cách thức tiến hành sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người

- B. Quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định
- C. Cơ chế vận hành kinh tế trong các điều kiện lịch sử của xã hội
- D. Quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn l/sử nhất định; Cơ chế vận hành kinh tế trong các điều kiện lịch sử của xã hội

ANSWER: A

7. Loại hình sản xuất nào là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội?
- A. Sản xuất vật chất
 - B. Sản xuất tinh thần
 - C. Sản xuất ra bản thân con người
 - D. Sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người

ANSWER: A

8. Nội dung vật chất của quá trình sản xuất gồm những nhân tố nào?
- A. Nhà xưởng, máy móc, công cụ lao động
 - B. Người lao động và tư liệu sản xuất
 - C. Người lao động và đối tượng lao động
 - D. Tư liệu lao động và đối tượng lao động

ANSWER: B

9. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, mối quan hệ nào là cơ bản, đầu tiên, chủ yếu, quyết định mọi quan hệ xã hội khác?
- A. Quan hệ tình cảm
 - B. Quan hệ huyết thống
 - C. Quan hệ sản xuất
 - D. Quan hệ tôn giáo

ANSWER: C

10. Chỉ ra mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một phương thức sản xuất?
- A. Là quan hệ giữa ngẫu nhiên/ tất nhiên
 - B. Là quan hệ giữa nguyên nhân/ kết quả
 - C. Là quan hệ giữa nội dung/ hình thức
 - D. Là quan hệ giữa bản chất/ hiện tượng

ANSWER: C

11. Cơ sở hạ tầng là khái niệm dùng để chỉ những yếu tố nào?
- A. Toàn bộ đất đai, máy móc, phương tiện để sản xuất
 - B. Toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội trong sự vận động hiện thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó
 - C. Toàn bộ cơ sở hạ tầng vật chất- kỹ thuật của một khu dân cư nhất định
 - D. Toàn bộ đất đai, máy móc, phương tiện để sản xuất; Toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định

ANSWER: B

12. Khái niệm kiến trúc thượng tầng dùng để chỉ những yếu tố nào?

- A. Toàn bộ thiết chế chính trị của xã hội
- B. Toàn bộ thiết chế chính trị và pháp luật của xã hội
- C. Toàn bộ thiết chế chính trị- xã hội
- D. Toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định

ANSWER: D

13. Những quan điểm, tư tưởng của xã hội là thuộc phạm trù nào?

- A. Kiến trúc thượng tầng
- B. Quan hệ sản xuất
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Tồn tại xã hội

ANSWER: A

14. Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng diễn ra như thế nào?

- A. Luôn diễn ra theo chiều hướng tích cực
- B. Luôn diễn ra theo chiều hướng tiêu cực
- C. Tiêu cực là cơ bản và đôi khi theo chiều hướng tích cực
- D. Diễn ra theo chiều hướng tích cực và tiêu cực

ANSWER: D

15. Chỉ ra kết cấu của một hình thái kinh tế - xã hội?

- A. Bao gồm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- B. Bao gồm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội và kiến trúc thượng tầng được nảy sinh trên cơ sở hạ tầng đó
- C. Bao gồm lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng
- D. Bao gồm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

ANSWER: B

16. Nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời giai cấp trong xã hội?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự chênh lệch giữa giàu và nghèo
- C. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự phát triển của công cụ lao động

ANSWER: C

17. Nguyên nhân sâu xa của sự ra đời giai cấp trong xã hội?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự chênh lệch giữa giàu và nghèo
- C. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự phát triển của đời sống tinh thần

ANSWER: A

18. Thực chất của quan hệ giai cấp là gì?

- A. Là quan hệ giữa bóc lột và bị bóc lột
- B. Là quan hệ giữa người giàu và người nghèo
- C. Là quan hệ giữa những người đi bóc lột với nhau
- D. Là quan hệ giữa những người cùng bị bóc lột với nhau

ANSWER: A

19. Hình thức liên hệ nào là quan trọng nhất quy định đặc trưng của cộng đồng dân tộc?

- A. Cộng đồng lãnh thổ
- B. Cộng đồng kinh tế
- C. Cộng đồng ngôn ngữ
- D. Cộng đồng dân cư

ANSWER: B

20. Chỉ ra thứ tự thứ tự phát triển các hình thức cộng đồng người trong lịch sử?

- A. Bộ lạc - Thị tộc - Bộ tộc - Dân tộc
- B. Bộ lạc - Bộ tộc - Thị tộc - Dân tộc
- C. Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc - Dân tộc
- D. Thị tộc - Bộ tộc - Bộ lạc - Dân tộc

ANSWER: C

21. Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện giai cấp?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự thay đổi của quan hệ sản xuất trong xã hội
- C. Do sự xuất hiện của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự xuất hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

ANSWER: A

22. Phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế - xã hội nào?

- A. Cộng sản nguyên thủy
- B. Chiếm hữu nô lệ
- C. Phong kiến
- D. Tư bản chủ nghĩa

ANSWER: B

23. Xét đến cùng, đấu tranh giai cấp có vai trò gì?

- A. Phát triển sản xuất
- B. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp
- C. Lật đổ sự áp bức của giai cấp thống trị bóc lột
- D. Giành chính quyền nhà nước

ANSWER: A

24. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức nào?

- A. Đấu tranh tư tưởng
- B. Đấu tranh kinh tế
- C. Đấu tranh chính trị
- D. Đấu tranh vũ trang

ANSWER: B

25. Hình thức cộng đồng người nào hình thành khi xã hội loài người đã bắt đầu có sự phân chia thành giai cấp?

- A. Bộ lạc
- B. Thị tộc
- C. Bộ tộc
- D. Dân tộc

ANSWER: C

26. Chức năng nào giữ vị trí quyết định, chi phối và định hướng chức năng xã hội của Nhà nước?

- a. Chức năng đối nội
- b. Chức năng đối ngoại
- c. Chức năng thống trị chính trị
- d. Chức năng trấn áp

ANSWER: C

27. Theo nghĩa rộng, cách mạng xã hội là gì?

- A. Là sự thay đổi ở một vài lĩnh vực của đời sống xã hội
- B. Là phương thức tiến hành đấu tranh của một nhóm người với mục đích giành chính quyền
- C. Là sự biến đổi có tính chất bước ngoặt và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, là phương thức chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời lên một hình thái kinh tế - xã hội mới ở trình độ phát triển cao hơn
- D. Tạo nên những thay đổi của đời sống xã hội

ANSWER: C

28. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất trong tồn tại xã hội?

- A. Điều kiện tự nhiên
- B. Phương thức sản xuất
- C. Điều kiện dân cư
- D. Điều kiện tự nhiên và điều kiện dân cư

ANSWER: B

29. Chọn câu trả lời theo quan điểm duy tâm về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội?

- A. Suy đến cùng, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- B. Suy đến cùng, ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- C. Tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc vào nhau, không cái nào quyết định cái nào
- D. Tùy từng điều kiện mà xem xét cái nào quyết định cái nào

ANSWER: B

30. Học thuyết nào quan niệm ý thức xã hội luôn luôn là yếu tố phụ thuộc vào tồn tại xã hội, nó không có tính độc lập tương đối?”?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

ANSWER: C

31. Học thuyết nào quan niệm tồn tại quyết định ý thức xã hội nhưng đồng thời ý thức xã hội lại có tính độc lập tương của nó?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Chủ nghĩa duy vật siêu hình

ANSWER: B

32. Chỉ ra mối quan hệ giữa ý thức cá nhân với ý thức xã hội?

- A. Ý thức cá nhân độc lập với ý thức xã hội
- B. Ý thức cá nhân quyết định ý thức xã hội
- C. Ý thức cá nhân là phương thức tồn tại và biểu hiện của ý thức xã hội ở từng người
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: C

33. Tồn tại xã hội là gì?

- A. Là toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội
- B. Là mặt tinh thần của xã hội
- C. Là bộ phận hợp thành của văn hóa tinh thần của xã hội
- D. Là toàn bộ hoạt động vật chất và tinh thần của xã hội

ANSWER: A

34. Ý thức xã hội là gì?

- A. Là mặt tinh thần của đời sống xã hội
- B. Là toàn bộ sinh hoạt vật chất
- C. Là những điều kiện sinh hoạt vật chất
- D. Là nền tảng quan trọng nhất của xã hội

ANSWER: A

35. Chỉ ra nội dung cơ bản của ý thức xã hội thông thường?

- A. Là những tri thức, những quan niệm hình thành một cách trực tiếp trong đời sống hàng ngày
- B. Là những tư tưởng, những quan điểm được tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa thành các học thuyết
- C. Là những tri thức có khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách sâu sắc

- D. Là những tri thức bao quát và vạch ra mối liên hệ bản chất, tất yếu mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng

ANSWER: A

36. Chỉ ra nội dung cơ bản của ý thức lý luận?

- A. Là những tri thức được hình thành một cách trực tiếp trong đời sống hàng ngày
- B. Là những tri thức chưa được hệ thống hóa, chưa được tổng hợp và khái quát hóa
- C. Là những tri thức có khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách sâu sắc và vạch ra những mối liên hệ, bản chất của sự vật, hiện tượng
- D. Phong phú hơn ý thức xã hội thông thường

ANSWER: C

37. Chỉ ra nội dung của tâm lý xã hội?

- A. Phản ánh một cách gián tiếp và tự giác những điều kiện sinh hoạt hàng ngày của con người
- B. Toàn bộ tư tưởng, tình cảm, thói quen... phản ánh một cách trực tiếp và tự phát những điều kiện sinh hoạt hàng ngày của con người
- C. Vạch ra những mối liên hệ bản chất, tất yếu mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng
- D. Tồn tại độc lập với hệ tư tưởng

ANSWER: B

38. Điều không phải là quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về hệ tư tưởng?

- A. Là sự nhận thức lý luận về tồn tại xã hội
- B. Có khả năng đi sâu vào bản chất của mọi mối quan hệ xã hội
- C. Tồn tại độc lập với tâm lý xã hội
- D. Là kết quả của sự tổng kết, khái quát hóa các kinh nghiệm xã hội để hình thành nên những quan điểm, tư tưởng...

ANSWER: C

39. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, hình thái ý thức nào giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội?

- A. Ý thức chính trị
- B. Ý thức đạo đức
- C. Ý thức nghệ thuật
- D. Ý thức tôn giáo

ANSWER: A

40. Hình thái ý thức xã hội nào phản ánh hư ảo sức mạnh của giới tự nhiên bên ngoài lẫn các quan hệ xã hội vào đầu óc con người?

- A. Ý thức pháp luật
- B. Ý thức chính trị
- C. Ý thức tôn giáo
- D. Ý thức đạo đức

ANSWER: C

41. Điều không phải là quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về ý thức khoa học?
- A. Ý thức khoa học chỉ ra bản chất của sự vật
 - B. Ý thức khoa học phản ánh hiện thực chính xác
 - C. Ý thức khoa học phản ánh hư ảo sức mạnh của giới tự nhiên vào đầu óc con người
 - D. Ý thức khoa học phản ánh sự vật bằng tư duy logic, thông qua hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật

ANSWER: C

42. Chỉ ra quan niệm đúng về con người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?
- A. Con người đã có nhân cách ngay từ khi mới sinh ra
 - B. Con người là thực thể sinh học – xã hội
 - C. Con người chỉ chịu sự tác động của quy luật sinh học
 - D. Con người chỉ chịu sự tác động của quy luật xã hội

ANSWER: B

43. Xét đến cùng, quan hệ nền tảng nào chi phối các quan hệ khác của con người?
- A. Quan hệ huyết thống
 - B. Quan hệ tôn giáo
 - C. Quan hệ chính trị
 - D. Quan hệ sản xuất vật chất

ANSWER: D

44. Chỉ ra quan niệm đúng theo chủ nghĩa duy vật lịch sử quan niệm về xã hội?
- A. Xã hội là tập hợp những người có cùng huyết thống
 - B. Xã hội là tập hợp những người có cùng sở thích
 - C. Xã hội là tập hợp những người có cùng trình độ văn hóa
 - D. Xã hội là tổng thể những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân với nhau

ANSWER: D

45. Quy luật nào giữ vai trò quan trọng nhất trong việc hình thành bản chất của con người?
- A. Các quy luật xã hội
 - B. Các quy luật của giới tự nhiên
 - C. Các quy luật sinh học
 - D. Các quy luật tâm lý

ANSWER: A

CHƯƠNG 3: HIỂU

46. Chỉ ra đặc điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?
- a. Là hệ thống quan điểm của các nhà duy vật siêu hình khi nghiên cứu xã hội
 - b. Là kết quả của sự vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội
 - c. Một trong những phát hiện vĩ đại của các nhà triết học duy tâm

d. Hệ thống quan điểm của các nhà duy vật siêu hình khi nghiên cứu xã hội; là một trong những phát hiện vĩ đại của chủ nghĩa Mác

ANSWER: B

47. Chỉ ra thực chất của lịch sử xã hội loài người?

- A. Lịch sử đấu tranh giai cấp
- B. Lịch sử của văn hóa
- C. Lịch sử của sản xuất vật chất
- D. Lịch sử của các tôn giáo

ANSWER: C

48. Chỉ ra cơ sở của sự hình thành, biến đổi và phát triển của xã hội loài người?

- A. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý
- B. Dân số và mật độ dân cư
- C. Sản xuất vật chất
- D. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý; Dân số và mật độ dân cư

ANSWER: C

49. Theo C.Mác, các nền kinh tế căn bản được phân biệt bởi yếu tố nào?

- A. Phương thức sản xuất
- B. Mục đích của quá trình sản xuất ra của cải vật chất
- C. Mục đích tự nhiên của quá trình sản xuất ra của cải vật chất
- D. Mục đích xã hội của quá trình sản xuất ra của cải vật chất

ANSWER: A

50. Quan hệ sản xuất biểu hiện mối quan hệ nào?

- A. Mối quan hệ giữa các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất
- B. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất
- C. Mối quan hệ giữa các yếu tố tham vào quá trình sản xuất
- D. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất; Mối quan hệ giữa các yếu tố tham vào quá trình sản xuất

ANSWER: B

51. Chọn đáp án đúng nhất khi chỉ ra hai mặt cơ bản của một phương thức sản xuất?

- A. Kỹ thuật và công nghệ
- B. Kỹ thuật và lao động
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- D. Kỹ thuật và tổ chức

ANSWER: C

52. Nhân tố nào giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất?

- A. Tư liệu sản xuất
- B. Người lao động
- C. Công cụ lao động

D. Đối tượng lao động

ANSWER: B

53. Chỉ ra các nhân tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất?

- A. Người lao động và công cụ lao động
- B. Người lao động và lao động, sản xuất
- C. Người lao động và tư liệu sản xuất
- D. Người lao động và đối tượng lao động

ANSWER: C

54. Quan hệ nào dưới đây giữ vai trò cơ bản quyết định các quan hệ xã hội khác?

- A. Quan hệ chính trị
- B. Quan hệ văn hóa
- C. Quan hệ sản xuất
- D. Quan hệ tình cảm

ANSWER: C

55. Chỉ ra nhân tố quan trọng nhất trong hệ thống quan hệ sản xuất?

- A. Quan hệ về tổ chức sản xuất
- B. Quan hệ về sở hữu về tư liệu sản xuất
- C. Quan hệ về phân phối kết quả sản phẩm
- D. Quan hệ về tổ chức sản xuất và phân phối kết quả sản phẩm

ANSWER: B

56. Chỉ ra đặc điểm về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất?

- A. Luôn luôn thống nhất với nhau
- B. Luôn luôn đối lập loại trừ nhau
- C. Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập
- D. Không có mối liên hệ biện chứng với nhau

ANSWER: C

57. Hãy chọn phương án trả lời sai?

- A. Quan hệ sản xuất không tác động trở lại lực lượng sản xuất
- B. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có khả năng phát sinh mâu thuẫn
- D. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất; Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có khả năng phát sinh mâu thuẫn

ANSWER: A

58. Quy luật nào cơ bản nhất, chi phối quyết định toàn bộ quá trình vận động, phát triển của lịch sử xã hội loài người?

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật quan hệ sản xuất phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Quy luật phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, xã hội

D. Quy luật phát triển khoa học và công nghệ phải dựa trên phát triển kinh tế

ANSWER: B

59. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhân tố nào là động lực cơ bản nhất của mọi quá trình phát triển của xã hội?

A. Sự phát triển của khoa học

B. Sự phát triển của khoa học và công nghệ

C. Sự vận động của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

D. Đấu tranh giai cấp

ANSWER: C

60. Chỉ ra vai trò của quan hệ sản xuất?

A. Là yếu tố quyết định trong phương thức sản xuất

B. Là nội dung vật chất của quá trình sản xuất

C. Là nội dung tinh thần của quá trình sản xuất

D. Là hình thức xã hội của quá trình sản xuất

ANSWER: D

61. Tìm phương án trả lời sai theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

A. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại trong tính quy định, thống nhất với nhau

B. Tương ứng với thực trạng phát triển nhất định của lực lượng sản xuất tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ sản xuất phù hợp

C. Quan hệ sản xuất có vai trò quyết định đối với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

D. Quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất

ANSWER: C

62. Trong các yếu tố sau, yếu tố nào tiêu biểu cho bộ mặt tinh thần của xã hội?

A. Lực lượng sản xuất

B. Quan hệ sản xuất

C. Kiến trúc thượng tầng

D. Cơ sở hạ tầng

ANSWER: C

63. Yếu tố nào thể hiện rõ nhất trình độ phát triển của lực lượng sản xuất?

A. Sự phát triển của trình độ người lao động và công cụ lao động

B. Sự phát triển của phương tiện lao động

C. Sự phát triển của đối tượng lao động

D. Sự phát triển của giới tự nhiên

ANSWER: A

64. Lựa chọn đáp án đúng?

A. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

- B. Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối so với cơ sở hạ tầng
- C. Kiến trúc thượng tầng tồn tại độc lập với cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thượng tầng luôn luôn kìm hãm cơ sở hạ tầng

ANSWER: B

65. Chỉ ra đặc điểm về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng?

- A. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- B. Cơ sở hạ tầng tồn tại độc lập so với kiến trúc thượng tầng
- C. Cơ sở hạ tầng luôn luôn chịu tác động kìm hãm của kiến trúc thượng tầng
- D. Cơ sở hạ tầng luôn luôn chịu tác động thúc đẩy của kiến trúc thượng tầng

ANSWER: A

66. Trong kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp, yếu tố nào là cơ bản nhất, tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất tới cơ sở hạ tầng?

- A. Tổ chức nhà nước
- B. Tổ chức tôn giáo
- C. Các tổ chức văn hóa - xã hội
- D. Tổ chức tôn giáo; Các tổ chức văn hóa - xã hội

ANSWER: A

67. Chỉ ra đặc điểm trong mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng?

- A. Cơ sở hạ tầng tồn tại độc lập với kiến trúc thượng tầng
- B. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng
- C. Chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- D. Chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

ANSWER: C

68. Theo quan niệm chủ nghĩa duy vật lịch sử, lịch sử loài người trải qua các hình thái kinh tế - xã hội nào?

- A. Cộng sản nguyên thủy, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa
- B. Cộng sản nguyên thủy, chế độ phong kiến, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ cộng sản chủ nghĩa, chế độ tư bản chủ nghĩa
- C. Chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa
- D. Cộng sản nguyên thủy, chế độ phong kiến, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa

ANSWER: A

69. Tìm câu trả lời đúng nhất trong việc chỉ ra nguyên nhân của mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp?

- A. Sự đối lập nhau về văn hóa

- B. Sự đối lập về lợi ích cơ bản- lợi ích kinh tế
- C. Sự đối lập nhau về tư tưởng
- D. Sự đối lập nhau về lối sống

ANSWER: B

70. Nguyên nhân trực tiếp nào dẫn đến sự ra đời của nhà nước?

- A. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội gay gắt không thể điều hòa được.
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- D. Mâu thuẫn giữa lợi ích của các giai cấp

ANSWER: A

71. Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện nhà nước?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do mâu thuẫn giai cấp
- C. Do đấu tranh giai cấp
- D. Do chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất

ANSWER: A

72. Bản chất của nhà nước là gì?

- A. Là một tổ chức chính trị, bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- B. Là một tổ chức chính trị của một giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- C. Là một tổ chức chính trị của các giai cấp thống trị nhằm để đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- D. Là một tổ chức chính trị nhằm bảo vệ trật tự xã hội.

ANSWER: B

73. Nguồn gốc trực tiếp nào dẫn đến các cuộc cách mạng xã hội?

- A. Đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp
- A. Đấu tranh giai cấp trong xã hội không có giai cấp
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

ANSWER: A

74. Nguồn gốc sâu xa nào dẫn đến cách mạng xã hội?

- A. Mâu thuẫn giai cấp gay gắt không thể điều hòa được
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- D. Mâu thuẫn giữa lợi ích của các giai cấp

ANSWER: B

75. Thời cơ cách mạng là gì?

- A. Là thời điểm đặc biệt khi điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của cách mạng xã hội đã chín muồi
- B. Là khi lực lượng sản xuất mâu thuẫn với quan hệ sản xuất
- C. Sự phẫn nộ của quần chúng lên cao
- D. Sự khủng hoảng của giai cấp thống trị

ANSWER: A

76. Đối tượng của cách mạng xã hội là ai?

- a. Là những giai cấp cách mạng
- b. Là những lực lượng tiến bộ
- c. Là những giai cấp và những lực lượng đối lập cần phải đánh đổ của cách mạng
- d. Là giai cấp có hệ tư tưởng tiến bộ, đại diện cho xu hướng phát triển của xã hội

ANSWER: C

77. Chỉ ra những nguyên nhân làm cho ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội?

- A. Bản chất của ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội
- B. Do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội
- C. Do vấn đề lợi ích
- D. Bản chất của ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội; do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội; do vấn đề lợi ích

ANSWER: D

78. Chỉ ra đặc điểm cơ bản trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội?

- A. Ý thức xã hội hoàn toàn phụ thuộc một cách thụ động vào tồn tại xã hội
- B. Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội
- C. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- D. Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội và ý thức xã hội không tác động trở lại tồn tại xã hội

ANSWER: B

79. Học thuyết nào cho rằng: “Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nhưng đồng thời ý thức xã hội lại có tính độc lập tương đối của nó”?

- A. Chủ nghĩa duy vật
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

ANSWER: D

80. Chỉ ra điều kiện cơ bản nhất để ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội?

- a. Ý thức xã hội phải phù hợp với tồn tại xã hội
- b. Hoạt động thực tiễn của con người
- c. Ý thức xã hội phải vượt trước tồn tại xã hội

d. Ý thức xã hội phải lạc hậu so với tồn tại xã hội

ANSWER: B

81. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai?

- A. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- B. Ý thức xã hội có tính độc lập tương đối
- C. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- D. Tồn tại xã hội quyết định nội dung, đặc điểm của ý thức xã hội

ANSWER: C

82. Chỉ ra biểu hiện trong tính lạc hậu của ý thức xã hội?

- A. Xã hội cũ đã mất đi rồi song ý thức xã hội do xã hội đó sản sinh ra vẫn còn tồn tại
- B. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội
- C. Ý thức xã hội có thể tác động trở lại tồn tại xã hội
- D. Các hình thái ý thức xã hội tác động qua lại với nhau

ANSWER: A

83. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai?

- A. Tồn tại xã hội quyết định xu hướng vận động, phát triển của ý thức xã hội
- B. Tồn tại xã hội có mối quan hệ biện chứng với ý thức xã hội
- C. Ý thức xã hội hoàn toàn thụ động trước tồn tại xã hội
- D. Ý thức xã hội có tính độc lập tương đối

ANSWER: C

84. Khi nào bản chất xã hội của con người được thể hiện?

- A. Khi tồn tại trong các quan hệ xã hội
- B. Khi thoát ly khỏi điều kiện lịch sử
- C. Khi tách rời khỏi môi trường xã hội
- D. Khi tồn tại trong mối quan hệ với tự nhiên

ANSWER: A

85. Chỉ ra quan điểm đúng về con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Con người sáng tạo ra toàn bộ giới tự nhiên
- B. Con người là một bộ phận của giới tự nhiên
- C. Con người chỉ cần tuân theo các quy luật xã hội
- D. Con người chỉ cần cải tạo chứ không cần phải hòa hợp với giới tự nhiên

ANSWER: B

86. Quan điểm “con người là chủ thể của lịch sử” được hiểu như thế nào?

- A. Con người là chủ thể duy nhất sáng tạo ra giới tự nhiên
- B. Con người là chủ thể duy nhất sáng tạo ra giới tự nhiên và xã hội
- C. Con người điều khiển lịch sử phát triển hoàn toàn theo ý muốn chủ quan mà không cần theo các quy luật khách quan

- D. Con người nắm vững và vận dụng sáng tạo quy luật khách quan tác động vào tự nhiên, xã hội thúc đẩy nó phát triển phù hợp với nhu cầu của mình

ANSWER: D

87. Quan điểm “con người là sản phẩm của lịch sử” được hiểu như thế nào?

- A. Bản chất của con người không bao giờ thay đổi
- B. Con người hoàn toàn lệ thuộc vào lịch sử
- C. Bản chất của con người phụ thuộc vào điều kiện lịch sử quy định
- D. Bản chất của con người hoàn toàn là sản phẩm của giới tự nhiên

ANSWER: C

88. Chỉ ra đặc điểm của quần chúng nhân dân theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Là người sáng tạo chân chính ra lịch sử
- B. Phụ thuộc hoàn toàn vào các cá nhân kiệt xuất
- C. Phụ thuộc hoàn toàn vào lãnh tụ
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào giai cấp thống trị

ANSWER: A

89. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai?

- A. Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội
- B. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội
- C. Ý thức xã hội có tính kế thừa
- D. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội

ANSWER: D

90. Chỉ ra quan điểm đúng theo chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Đời sống tinh thần độc lập với đời sống vật chất
- B. Đời sống tinh thần là cơ sở phát triển của đời sống vật chất
- C. Đời sống tinh thần của xã hội hình thành và phát triển trên cơ sở đời sống vật chất
- D. Phải tìm nguồn gốc của tư tưởng trong đầu óc con người

ANSWER: C

91. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, phải tìm cơ sở sâu xa của các hiện tượng xã hội ở đâu?

- A. Trong tư tưởng, tinh thần, ý chí chủ quan của con người
- B. Trong nền sản xuất vật chất của xã hội
- C. Trong chủ trương, chính sách của nhà nước
- D. Trong truyền thống văn hóa xã hội

ANSWER: B

92. Điền từ vào chỗ trống: “Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: loài vượn may mắn lắm chỉ... trong khi con người lại...”

- A. Hái lượm- Sản xuất
- B. Sản xuất- Hái lượm

- C. Hải lượng- Hải lượng
- D. Sản xuất- sản xuất

ANSWER: A

93. C.Mác viết: “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng máy hơi nước đưa lại xã hội tư bản công nghiệp” nhằm đề chỉ luận điểm nào?

- A. Vai trò quyết định của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất
- B. Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại độc lập với nhau
- D. Tất cả các đáp án

ANSWER: B

94. Khi nào quan hệ sản xuất trở thành xiềng xích kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất?

- A. Khi quan hệ sản xuất phản ánh đúng lực lượng sản xuất
- B. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Khi quan hệ sản xuất được xây dựng trên nền tảng của lực lượng sản xuất
- D. Khi quan hệ sản xuất lỗi thời, lạc hậu so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Khi quan hệ sản xuất tiên tiến vượt trước quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

ANSWER: D

95. Khi diễn ra mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì dẫn đến vấn đề gì?

- A. Quan hệ sản xuất không thể thay đổi được vì nó được bảo vệ bằng quyền lực nhà nước
- B. Lực lượng sản xuất phải tự điều chỉnh cho phù hợp với quan hệ sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất được thay đổi thông qua những cuộc cải cách và các cuộc cách mạng xã hội
- D. Quan hệ sản xuất không thể thay đổi được vì nó được bảo vệ bằng quyền lực nhà nước; Lực lượng sản xuất phải tự điều chỉnh cho phù hợp với quan hệ sản xuất

ANSWER: C

96. Sự thay thế và phát triển của các phương thức sản xuất phản ánh điều gì?

- A. Xu hướng tất yếu khách quan của quá trình phát triển xã hội loài người từ trình độ thấp đến trình độ ngày càng cao hơn
- B. Mong muốn chủ quan của giai cấp thống trị xã hội
- C. Mong muốn chủ quan của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động
- D. Mong muốn chủ quan của giai cấp thống trị xã hội; Mong muốn chủ quan của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động

ANSWER: A

97. Điền vào chỗ trống, C.Mác khẳng định: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những ... nào?”

- A. Đối tượng lao động
- B. Công cụ lao động
- C. Phương tiện lao động
- D. Tư liệu lao động

ANSWER: B Quy luật cơ bản nhất của sự vận động và phát triển xã hội?

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- C. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- D. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

ANSWER: D

98. Chỉ ra đặc điểm về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- A. Quan hệ sản xuất luôn luôn thúc đẩy lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất luôn luôn kìm hãm lực lượng sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất chỉ thúc đẩy mà không kìm hãm lực lượng sản xuất
- D. Quan hệ sản xuất thúc đẩy hoặc kìm hãm lực lượng sản xuất

ANSWER: D

99. Hãy chọn câu trả lời đúng nhất, lịch sử xã hội loài người là lịch sử kế tiếp nhau của yếu tố nào?

- A. Các phương thức sản xuất
- B. Các phương tiện lao động
- C. Các đối tượng lao động
- D. Các phương tiện lao động và các đối tượng lao động

ANSWER: A

100. Trong thực tiễn, muốn phát triển kinh tế phải bắt đầu từ đâu?

- A. Từ phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động
- B. Từ phát triển phương tiện lao động
- C. Từ phát triển đối tượng lao động
- D. Từ phát triển đối tượng lao động và phương tiện lao động

ANSWER: A

101. Trong thực tiễn, muốn xóa bỏ một quan hệ sản xuất cũ, thiết lập một quan hệ sản xuất mới trước tiên phải căn cứ vào yếu tố nào?

- A. Mệnh lệnh hành chính
- B. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Ý muốn chủ quan, duy ý chí của người lao động
- D. Mọi sắc lệnh từ trên ban xuống

ANSWER: B

102. Xét đến cùng, nguyên nhân làm biến đổi căn bản cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là do đâu?

- A. Sự phát triển của quan hệ sản xuất
- B. Sự phát triển của lực lượng sản xuất

- C. Ý muốn chủ quan của con người
- D. Ý muốn chủ quan của con người và do sự phát triển của quan hệ sản xuất

ANSWER: B

103. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa, trước hết cần phải làm gì?

- A. Theo khuynh hướng chủ quan, duy ý chí
- B. Nôn nóng, bất chấp các quy luật khách quan
- C. Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- D. Coi phát triển văn hóa là nền tảng để phát triển xã hội

ANSWER: C

104. Chỉ ra đặc trưng của kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa?

- A. Sự không đồng thuận về chính trị và tinh thần trong toàn xã hội
- B. Sự mâu thuẫn gay gắt về chính trị trong toàn xã hội
- C. Sự mâu thuẫn gay gắt về tinh thần trong đời sống xã hội
- D. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần của toàn xã hội

ANSWER: D

105. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng đại diện cho hai phương diện cơ bản nào của đời sống xã hội?

- A. Phương diện kinh tế và phương diện chính trị- xã hội
- B. Phương diện kinh tế và phương diện khoa học kỹ thuật
- C. Phương diện văn hóa và phương diện khoa học kỹ thuật
- D. Phương diện kinh tế và phương diện khoa học kỹ thuật; Phương diện văn hóa

ANSWER: A

106. Kiến trúc thượng tầng có vai trò gì đối với cơ sở hạ tầng?

- A. Kiến trúc thượng tầng có vai trò quyết định cơ sở hạ tầng
- B. Kiến trúc thượng tầng chịu sự quyết định hoàn toàn của cơ sở hạ tầng, nó không có vai trò gì đối với cơ sở hạ tầng
- C. Kiến trúc thượng tầng thường xuyên có vai trò tác động trở lại cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thượng tầng luôn luôn tác động tích cực đối với cơ sở hạ tầng

ANSWER: C

107. Mối quan hệ giữa lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực chính trị của xã hội được khái quát trong quy luật nào?

- a. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- b. Quy luật đấu tranh giai cấp
- c. Quy luật và mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- d. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

ANSWER: C

108. Chỉ ra tính ưu việt của kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa?

- A. Mang hệ tư tưởng của giai cấp nông dân
- B. Mang hệ tư tưởng của giai cấp công nhân
- C. Mang hệ tư tưởng của giai cấp tư sản
- D. Mang hệ tư tưởng của tất cả các giai cấp trong xã hội

ANSWER: B

109. Trong nhận thức và thực tiễn, nếu tuyệt đối hóa kinh tế, hạ thấp và phủ nhận yếu tố chính trị là rơi vào quan điểm nào?

- A. Quan điểm lịch sử cụ thể
- B. Quan điểm phát triển
- C. Quan điểm toàn diện
- D. Quan điểm duy vật tầm thường

ANSWER: D

110. Nhiệm vụ trọng tâm nào mà Việt Nam phải thực hiện trong quá trình đổi mới đất nước?

- A. Đổi mới chính trị làm trung tâm
- B. Đổi mới kinh tế làm trung tâm
- C. Đổi mới văn hóa làm trung tâm
- D. Đổi mới tôn giáo làm trung tâm

ANSWER: B

111. Điền vào chỗ trống: Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra “Con đường đi lên cả nước ta là sự phát triển của quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ ...”?

- A. Phong kiến
- B. Tư bản chủ nghĩa
- C. Cộng sản chủ nghĩa
- D. Chiếm hữu nô lệ

ANSWER: B

112. Việt Nam lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa được hiểu như thế nào?

- A. Bỏ qua sự vai trò thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa
- B. Bỏ qua tất cả những thành tựu của chủ nghĩa tư bản
- C. Kế thừa tất cả những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản
- D. Xác định đây là con đường thuận lợi

ANSWER: A

113. Nhân tố nào quyết định nhất đến xu hướng phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội?

- A. Ý thức của giai cấp nắm quyền lực nhà nước
- B. Ý chí của nhân dân
- C. Quy luật khách quan

- D. Sự tác động của tình hình quốc tế đối với tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người trong lịch sử

ANSWER: C

114. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội là phạm trù được áp dụng cho xã hội nào?
- A. Cho xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định
 - B. Cho xã hội cộng sản chủ nghĩa
 - C. Cho xã hội tư bản
 - D. Cho xã hội phong kiến

ANSWER: A

115. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào đúng?
- A. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới phải bắt đầu từ sự phát triển của lực lượng sản xuất
 - B. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội phải bắt đầu từ xây dựng quan hệ sản xuất
 - C. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội cũ phải bắt đầu từ việc xây dựng và phát triển kiến trúc thượng tầng
 - D. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội, xây dựng xã hội mới phải phải tuyệt đối hoá vai trò quyết định quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng

ANSWER: A

116. Ở Việt Nam, việc phát triển đất nước theo con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa dựa trên lý luận cơ bản nào?
- A. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
 - B. Ý thức xã hội
 - C. Triết học về con người
 - D. Nhà nước và cách mạng xã hội

ANSWER: A

117. Từ nội dung của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất cho thấy muốn phát triển kinh tế - xã hội thì trước tiên cần phải phát triển những yếu tố nào?
- A. Lực lượng lao động và công cụ lao động
 - B. Quan hệ sản xuất và công cụ lao động
 - C. Phương tiện lao động và công cụ lao động
 - D. Đối tượng lao động và công cụ lao động

ANSWER: A

118. “Muốn phát triển kinh tế thì trước tiên cần phải phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động” là ý nghĩa cơ bản nhất được rút ra từ quy luật nào?
- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
 - B. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
 - C. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất
 - D. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

ANSWER: C

119. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay là sự vận dụng đúng đắn quy luật nào?

- A. Quy luật quan hệ sản xuất quyết định trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Quy luật kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng
- D. Quy luật cơ sở hạ tầng phụ thuộc vào kiến trúc thượng tầng

ANSWER: B

120. Quy luật nào đóng vai trò là nền tảng nhất cho việc đề ra quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- C. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất
- D. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

ANSWER: C

121. Chọn phương án trả lời sai?

Quan hệ sản xuất “đi sau” hay “vượt trước” trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện:

- A. Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất
- B. Sự không phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất
- D. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất

ANSWER: A

122. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đòi hỏi tất yếu phải thiết lập chế độ nào?

- A. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội
- B. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội
- C. Tất cả các đáp án
- D. Chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội

ANSWER: B

123. Điền từ: C.Mác khẳng định: “Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các... mâu thuẫn với những ... hiện có”

- A. Lực lượng sản xuất vật chất - quan hệ sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất - lực lượng sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất - lực lượng sản xuất
- D. Quan hệ sản xuất - quan hệ sản xuất

ANSWER: A

124. Cơ sở hạ tầng trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay có đặc điểm gì?

- A. Gắn với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò là nền tảng

- B. Gắn với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế tư nhân giữ vai trò là nền tảng
- C. Gắn với cơ cấu kinh tế ít thành phần trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò là nền tảng
- D. Gắn với cơ cấu kinh tế ít thành phần trong đó kinh tế tư nhân giữ vai trò là nền tảng

ANSWER: A

125. Để xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay cần phải làm gì?

- A. Tránh khuynh hướng chủ quan duy ý chí
- B. Xuất phát từ khuynh hướng chủ quan duy ý chí
- C. Xuất phát từ mệnh lệnh hành chính
- D. Xuất phát theo khuynh hướng tả khuynh

ANSWER: A

126. Chọn phương án trả lời sai?

Ở Việt Nam việc xây dựng và hoàn thiện kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa phải:

- A. Xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của sự phát triển kinh tế - xã hội
- B. Xuất phát từ khuynh hướng chủ quan duy ý chí
- C. Tích cực chủ động khắc phục tàn dư của xã hội cũ
- D. Đánh bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch

ANSWER: B

127. Ở Việt Nam, muốn xây dựng xã hội mới thì phải làm gì?

- A. Từng bước xóa bỏ những tàn dư, lạc hậu của ý thức xã hội cũ
- B. Xóa bỏ tất cả ý thức xã hội mới
- C. Xóa bỏ tất cả những sản phẩm thuộc về ý thức xã hội cũ
- D. Chủ quan và nóng vội trong việc xóa bỏ tàn dư, nhưng tư tưởng và ý thức xã hội cũ và ý thức xã hội mới

ANSWER: A

128. Hình thái ý thức xã hội nào là sự phản ánh hư ảo sức mạnh của giới giới tự nhiên bên ngoài lẫn các quan hệ xã hội vào trong đầu óc con người?

- A. Ý thức tôn giáo
- B. Ý thức khoa học
- C. Ý thức triết học
- D. Ý thức chính trị

ANSWER: A

129. C.Mác và Ph.Ăngghen nói: “Ngay cả chủ nghĩa cộng sản phát triển cũng trực tiếp bắt nguồn từ chủ nghĩa duy vật Pháp” thể hiện đặc điểm nào?

- A. Ý thức xã hội lạc hậu so với tồn tại xã hội
- B. Ý thức xã hội có tính kế thừa
- C. Tính vượt trước của ý thức xã hội
- D. Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội

ANSWER: B

130. C.Mác dự báo “tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” đang trở thành sự thật trong xã hội của thế kỷ XXI, minh chứng cho điều gì?
- A. Tính lạc hậu của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
 - B. Tính vượt trước của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
 - C. Tính kế thừa của ý thức xã hội
 - D. Tính tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

ANSWER: B

131. V.I.Lênin nói rằng: “Sức mạnh của tập quán ở hàng triệu và hàng chục triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất” là muốn khẳng định điều gì?
- A. Tính lạc hậu của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
 - B. Tính vượt trước của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
 - C. Tính tác động qua lại của các hình thức ý thức xã hội
 - D. Tính kế thừa của ý thức xã hội

ANSWER: A

132. Tìm phương án sai, muốn xây dựng xã hội mới ở Việt Nam thì phải làm gì?
- A. Từng bước xóa bỏ những tàn dư, ý thức xã hội cũ
 - B. Bồi đắp, xây dựng và phát triển ý thức xã hội mới
 - C. Không được nóng vội xóa bỏ tất cả tàn dư của xã hội cũ đã từng xảy ra ở Việt Nam như nhiều năm trước đây
 - D. Xóa bỏ tất cả những gì thuộc về ý thức xã hội cũ

ANSWER: D

133. Theo quan niệm của C.Mác, hình thái ý thức xã hội có ý nghĩa khiến cho nó trở thành linh hồn sống của văn hóa?
- A. Ý thức triết học
 - B. Ý thức tôn giáo
 - C. Ý thức pháp quyền
 - D. Ý thức thẩm mỹ

ANSWER: A

134. Hình thái ý thức xã hội nào hình thành sớm từ trước khi xã hội có sự phân chia giai cấp?
- A. Ý thức nghệ thuật
 - B. Ý thức triết học
 - C. Ý thức chính trị
 - D. Ý thức pháp quyền

ANSWER: A

135. Hình thái ý thức xã hội nào phản ánh hiện thực một cách chân thực và chính xác nhất?
- A. Ý thức tôn giáo
 - B. Ý thức khoa học

- C. Ý thức nghệ thuật
- D. Ý thức thẩm mỹ

ANSWER: B

136. Ý nghĩa phương pháp luận nào được rút ra từ tính độc lập tương đối của ý thức xã hội?
- A. Không được tuyệt đối hóa vai trò của kinh tế đồng thời nhưng không thấy được vai trò của ý thức xã hội
 - B. Tuyệt đối hóa vai trò của kinh tế và phủ nhận vai trò tích cực của ý thức xã hội
 - C. Tuyệt đối hóa vai trò của ý thức xã hội và phủ nhận vai trò của kinh tế
 - D. Coi trọng vai trò của kinh tế và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

ANSWER: D

137. Tìm phương án sai, ở Việt Nam để xây dựng đời sống tinh thần cần phải làm gì?
- A. Xóa bỏ dần dần những tư tưởng phong tục tập quán lạc hậu
 - B. Đề cao nhiệm vụ giáo dục các giá trị đạo đức lành mạnh
 - C. Xóa bỏ tất cả các giá trị văn hóa truyền thống
 - D. Không chủ quan, nóng vội trong việc xóa bỏ những tư tưởng lạc hậu

ANSWER: C

138. Ở Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại tư tưởng: “Một người làm quan cả họ được nhờ” đã thể hiện điều gì?
- A. Tính lạc hậu của ý thức xã hội
 - B. Tính vượt trước của ý thức xã hội
 - C. Tính kế thừa của ý thức xã hội
 - D. Tính tác động qua lại của các hình thái ý thức xã hội

ANSWER: A

139. Hiện nay ở nước ta còn tồn tại tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, điều đó thể hiện tính chất gì của ý thức xã hội?
- A. Tính lạc hậu
 - B. Tính kế thừa
 - C. Tính độc lập
 - D. Tính vượt trước

ANSWER: A

140. Hiện nay ở Việt Nam, để xây dựng đời sống tinh thần thì cần phải làm gì
- A. Kế thừa và duy trì các giá trị tốt đẹp của đạo đức truyền thống của dân tộc
 - B. Duy trì tất cả văn hóa truyền thống của dân tộc
 - C. Tiếp thu tất cả văn hóa của nhân loại
 - D. Coi giáo dục đạo đức, văn hóa là nhiệm vụ thứ yếu

ANSWER: A

141. Hiện nay ở Việt Nam, để xây dựng đời sống tinh thần thì cần phải làm gì?
- A. Xóa bỏ dần những tư tưởng phong tục tập quán lạc hậu

- B. Chủ quan nóng vội trong việc xóa bỏ những tư tưởng, tập quán lạc hậu
- C. Tiếp thu tất cả các giá trị văn hóa của nhân loại
- D. Coi văn hóa là lĩnh vực thứ yếu

ANSWER: A

142. Tìm đáp án sai, để phát huy mạnh mẽ vai trò con người trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam cần phải làm gì?

- A. Con người được đặt ở vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế và xã hội
- B. Đề cao chủ nghĩa cá nhân
- C. Kết hợp giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần
- D. Chú trọng tuyên truyền giáo dục, động viên kịp thời các hiện tượng tích cực của con người trong xã hội

ANSWER: B

143. Hãy rút ra ý nghĩa phương pháp luận đúng đắn được rút ra từ mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân?

- A. Tuyệt đối hóa vai trò của lãnh tụ
- B. Tuyệt đối hóa vai trò của quần chúng nhân dân
- C. Tách rời mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân
- D. Kết hợp hài hòa, khoa học vai trò quần chúng nhân dân và lãnh tụ

ANSWER: D

144. Tuyệt đối hóa vai trò của lãnh tụ sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Tệ sùng bái cá nhân
- B. Coi trọng quần chúng nhân dân
- C. Phát huy được tính năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân
- D. Coi trọng quần chúng nhân dân và phát huy được sự sáng tạo của họ

ANSWER: A

145. Tuyệt đối hóa vai trò của quần chúng nhân dân sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Tệ sùng bái cá nhân
- B. Xem nhẹ vai trò của các cá nhân và lãnh tụ
- C. Phát huy được tính sáng tạo của cá nhân và lãnh tụ
- D. Tệ sùng bái cá nhân và phát huy được vai trò sáng tạo của cá nhân, lãnh tụ

ANSWER: B

146. C.Mác viết: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội”, có ý nghĩa gì?

- A. C.Mác bác bỏ hoàn toàn mặt tự nhiên của con người
- B. C.Mác nhấn mạnh bản chất xã hội của con người
- C. C.Mác nhấn mạnh mặt tự nhiên của con người
- D. C.Mác nhấn mạnh bản chất con người mang tính chất chung chung, trừu tượng

ANSWER: B

147. Những tư tưởng: “trọng nam khinh nữ, một người làm quan cả họ được nhờ” thể hiện điều gì?

- A. Là Tàn dư của xã hội cũ và cần phải xóa bỏ
- B. Là đại diện cho tư tưởng của xã hội mới
- C. Không ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội mới
- D. Không cần phải xóa bỏ bởi không ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội

ANSWER: A

148. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải, chúng ta phải làm gì?

- A. Đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích xã hội
- B. Đặt lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân
- C. Giải quyết đúng đắn, hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội
- D. Tách rời giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội

ANSWER: C

149. Để phát huy mạnh mẽ vai trò con người trong giai đoạn cách mạng hiện nay chúng ta phải làm gì?

- A. Kết hợp giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần
- B. Đề cao chủ nghĩa cá nhân
- C. Chỉ tập trung giải quyết lợi ích vật chất
- D. Chỉ tập trung giải quyết lợi ích tinh thần

ANSWER: A

150. Câu tục ngữ “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng” phản ánh điều gì?

- A. Con người là chủ thể của lịch sử
- B. Môi trường xã hội ảnh hưởng tới nhân cách của con người
- C. Môi trường xã hội không ảnh hưởng tới nhân cách của con người
- D. Con người không thể sáng tạo ra lịch sử

ANSWER: B